

# 2015 ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

“Dù trong hoàn cảnh nào, ngành Điện luôn là ngành phải đi trước một bước. Đó là sứ mệnh vẻ vang song cũng vô cùng nặng nề”

- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải



## NỘI DUNG CHÍNH

04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

06 Các chỉ số kinh doanh tiêu biểu

08 Tổng quan về VNECO

10 Thông tin chung về VNECO

12 Tâm nhìn, sứ mệnh

14 Quá trình hình thành và phát triển 24 năm (1988 – 2016)

16 Các sự kiện tiêu biểu năm 2015

18 Một số danh hiệu Tổng công ty đã đạt được

20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

28 Định hướng phát triển của Tổng công ty

30 Tổ chức và nhân sự

32 Sơ đồ cơ cấu tổ chức

34 Các đơn vị thành viên

38 Hội đồng quản trị

43 Ban kiểm soát

44 Ban Tổng giám đốc

47 CBCNV và chính sách với người lao động

48 Báo cáo tình hình hoạt động năm 2015

50 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

53 Tình hình thực hiện các dự án

55 Kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2016

56 Báo cáo của Ban giám đốc

58 Báo cáo tình hình tài chính của VNECO

59 Báo cáo tài chính của tổ hợp VNECO

60 Các chỉ tiêu tài chính của các Công ty con

67 Kế hoạch phát triển trong tương lai

68 Báo cáo của Hội đồng quản trị

70 Hoạt động Quản trị công ty

71 Hoạt động của Hội đồng quản trị

72 Hoạt động của Ban kiểm soát

74 Quản trị rủi ro

76 Cổ phiếu và quan hệ cổ đông

78 Các thông tin khác

80 Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

81 Hoạt động xã hội

82 Báo cáo tài chính



## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Năm 2015 là năm bản lề để xác định kế hoạch tái cấu trúc và định hướng lại chiến lược để chuẩn bị hành trang cho việc tăng tốc phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020. Tôi hoàn toàn lạc quan với sự tăng trưởng của ngành điện tại Việt Nam cũng như khả năng phát triển của VNECO.

Tổng TS hợp nhất năm 2015  
↑ 1.753,583 TỶ ĐỒNG

Tổng DT hợp nhất năm 2015  
↑ 1.109,045 tỶ TỶ ĐỒNG

Tổng lợi nhuận trước thuế:  
↑ 128,951 TỶ ĐỒNG

KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,

Năm 2015 đã kết thúc với những thành tựu đáng mừng, với truyền thống đoàn kết và sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên, sự chia sẻ và đồng hành của Quý cổ đông, Tổng công ty đã hoàn thành vượt 6,55% mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Năm 2015 cũng là năm bản lề để xác định kế hoạch tái cấu trúc và định hướng lại chiến lược để chuẩn bị hành trang cho việc tăng tốc phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty.

### VNECO 2016 – liên tục đổi mới để phát triển

Với tầm nhìn VNECO mong muốn trở thành Tổng Công Ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam

Chúng tôi sẽ tập trung vào các chiến lược:

**Mở rộng các dịch vụ xây lắp và đầu tư phát điện** với nhu cầu điện hàng năm tăng 16 -17%, điện đang là lĩnh vực cung không đáp ứng đủ cầu, từ nay đến 2030, nguồn tiền Việt Nam cần để phát triển nguồn điện và lưới điện ít nhất là 124 tỷ USD, không bao gồm các dự án đầu tư nguồn điện theo hình thức BOT. Đồng thời với thoả thuận lịch sử tại hội nghị COP 21 của chính phủ Việt Nam cùng với 196 quốc gia tham gia công ước khung của Liên hợp quốc về ứng phó với biến đổi khí hậu đã được ký kết tại Paris vào tháng 12/2015 buộc tất cả các nước phải cắt giảm lượng khí thải carbon và giúp các nước phát triển chuyển từ việc sử dụng nguyên liệu hoá thạch sang các nguồn năng lượng xanh. Nội dung quan trọng này cũng đã được thể hiện trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, coi đó là khâu đột phá trong việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia chính là cơ hội lớn để Vneco mở rộng các hoạt động xây lắp và đầu tư vào nhà máy phát điện, đặc biệt là phát điện bằng năng lượng tái tạo.

**Quản trị hiệu quả**, thực hiện công tác tái cấu trúc theo hướng tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh chính, tối ưu hiệu quả khai thác tài sản đầu tư, nâng cao hiệu quả và sự chủ động của các công ty con, tăng cường các hoạt động quản trị rủi ro và quản lý hiệu quả chi phí là kế hoạch hành động quan trọng để gia tăng sức cạnh tranh và nâng cao lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh và xây lắp.

**Phát triển năng lực đội ngũ** tăng cường công tác đào tạo, củng cố và phát triển nguồn nhân lực, phát triển văn hóa doanh nghiệp, tăng thu nhập bình quân, quyết tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, tâm huyết, trách nhiệm và tràn đầy nhiệt huyết cho kế hoạch phát triển của VNECO trong tương lai

Cá nhân tôi rất tự tin với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra và những đổi mới trong công tác quản trị sẽ mở ra những bước ngoặt thực sự cho sự phát triển của VNECO trong 2016 và những năm tiếp theo, nhưng cũng là những thách thức vô cùng lớn mà chúng tôi đều thấu hiểu và sẽ đồng tâm hiệp lực để quyết tâm hoàn thành.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả cán bộ công nhân viên trong tổ hợp VNECO đã cố gắng hết mình trong năm qua để làm hài lòng khách hàng và cống hiến cho sự nghiệp phát triển của VNECO. Xin cảm ơn các Quý cổ đông đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi. Tôi hy vọng Quý cổ đông sẽ cùng chia sẻ, tin tưởng vào định hướng chiến lược của chúng tôi và tiếp tục dành sự cổ vũ, ủng hộ cho chúng tôi, làm tiền đề và tạo động lực cho tập thể cán bộ công nhân viên biến những khó khăn, thách thức thành những cơ hội, hoàn thành tốt kế hoạch 2016, tiếp tục đưa Tổng công ty ngày càng phát triển lớn mạnh hơn.

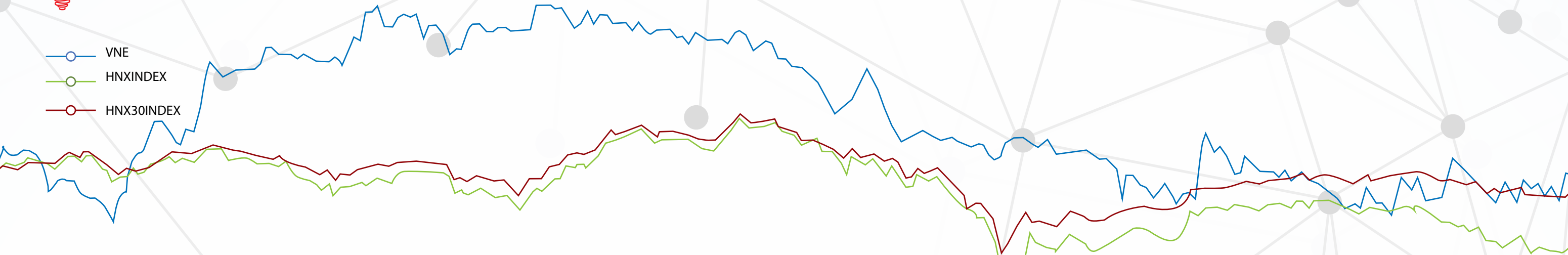
Xin trân trọng cảm ơn!

TM HĐQT  
Chủ tịch HĐQT

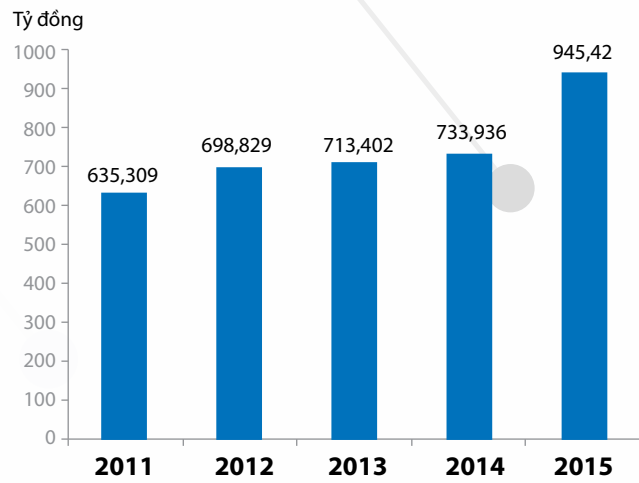
**ĐẶNG TRỌNG NGÔN**

# CÁC CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

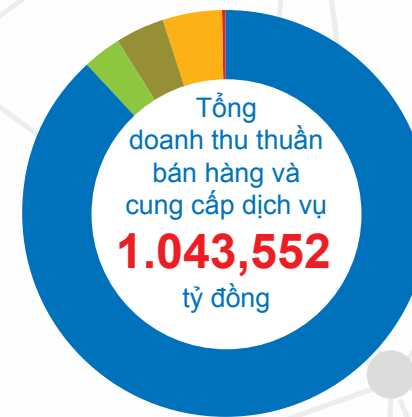
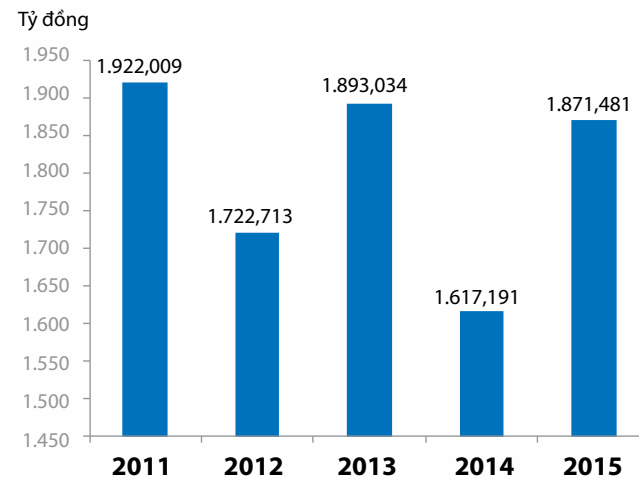
VNE  
HNXINDEX  
HNX30INDEX



VỐN CHỦ SỞ HỮU



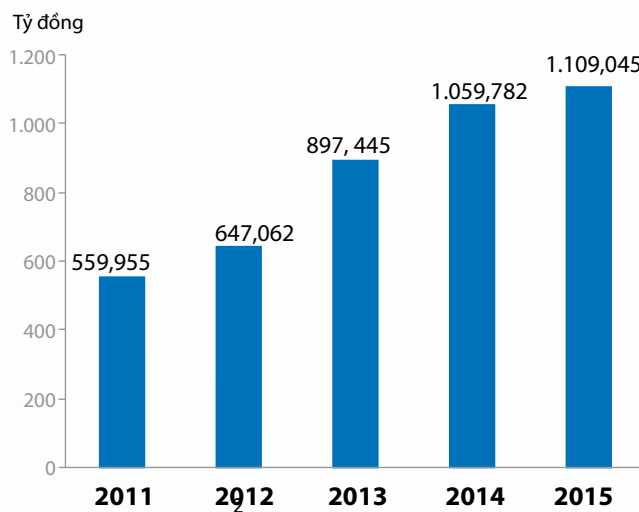
TỔNG TÀI SẢN



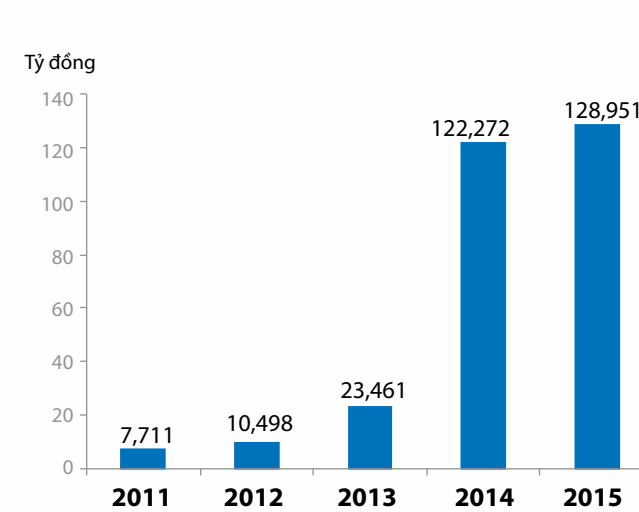
- Doanh thu bán hàng và CC DV: 1.043,552 tỷ đồng
- Doanh thu HĐTC: 35,615 tỷ đồng
- Thu nhập khác: 29,878 tỷ đồng

- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp: 919,088 tỷ đồng
- Doanh thu thuần bán hàng: 32,519 tỷ đồng
- Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản: 42,107 tỷ đồng
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch khách sạn: 49,314 tỷ đồng
- Doanh thu thuần hoạt động khác: 0,523 tỷ đồng

TỔNG DOANH THU



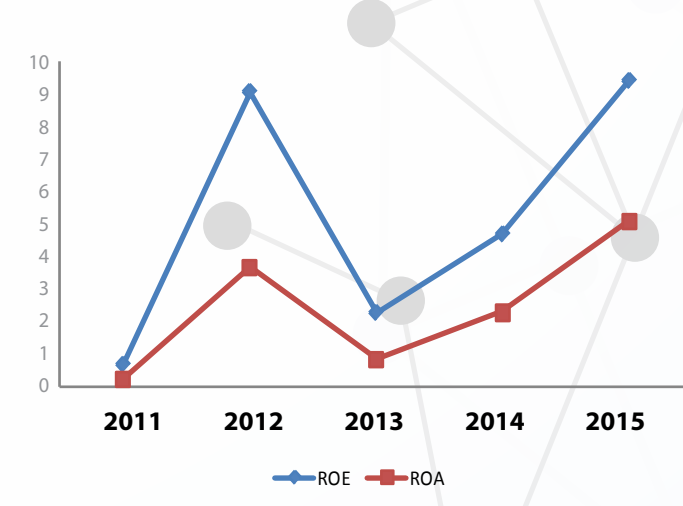
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



HỢP NHẤT



VNECO





## TỔNG QUAN VỀ VNECO

- 10 Thông tin chung về VNECO
- 12 Tầm nhìn, sứ mệnh
- 14 Quá trình hình thành và phát triển 24 năm (1988 - 2016)
- 16 Các sự kiện tiêu biểu năm 2015
- 18 Một số danh hiệu Tổng công ty đã đạt được
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 28 Định hướng phát triển của Tổng công ty



## THÔNG TIN CHUNG VỀ VNECO

Tên tổ chức niêm yết: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**  
Tên tiếng Anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK CORPORATION  
Tên viết tắt: VNECO  
Địa chỉ: Số 344, Đường Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.  
Điện thoại: + 84 (0)511 356 2361  
Fax: + 84 (0)511 356 2367  
Website: www.vneco.com.vn

Giấy CNĐKKD: Số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 12 năm 2015, theo đó Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận. Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 823.575.050.000 đồng.  
Vốn chủ sở hữu: 945.516.002.797 đồng.  
Mã cổ phiếu: VNE  
Năm báo cáo: Năm 2015



### SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất cột điện, gia công cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép, khung nhà tiền chế và sản xuất cột điện bê tông ly tâm, sản xuất gạch block các loại; sản xuất và kinh doanh điện năng.

### XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

Thực hiện xây dựng nhà cao tầng, cao ốc, khu đô thị, xây dựng thủy điện, đường giao thông... Các công trình tiêu biểu như: Đập bê tông trọng lực Thủy Điện Khe Diên, Cao ốc Green Plaza Danang...



### TỔNG THẦU XÂY LẮP

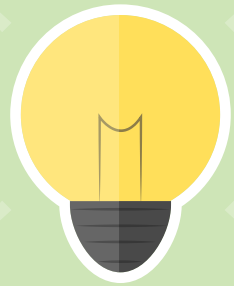
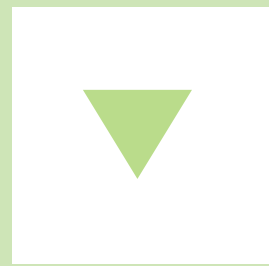
VNECO có trên 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công các công trình điện, các đường dây và trạm biến áp điện với nhiều công suất thiết kế khác nhau từ 35KV đến 500KV; Tổng thầu các dự án nguồn điện.

### ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

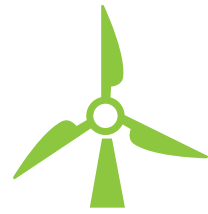
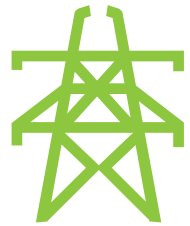
Thực hiện đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết với các đối tác làm chủ đầu tư một số nhà máy điện.



## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH



1



### 1 TẦM NHÌN

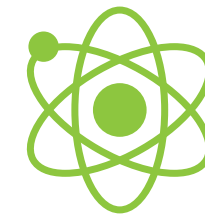
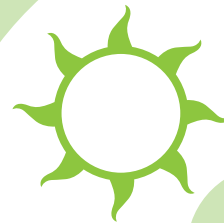
VNECO mong muốn trở thành Tổng Công Ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về phát điện, truyền tải điện, trạm điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.



### 2 SỨ MỆNH

Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam - Mang điện đến mọi miền đất nước - Phát triển năng lượng xanh. Góp phần phát triển kinh tế quốc gia - Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên - Nâng cao giá trị cho cổ đông.

2





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 24 NĂM (1988 – 2016)

**1988-1991** - Ngày 22/02/1988, Công ty xây lắp điện 3 được thành lập theo quyết định số 174 NL/TCCB của Bộ trưởng Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp) trên cơ sở hợp nhất hai Công ty là Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5.

- Năm 1991, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong việc nâng cấp và xây dựng tuyến truyền tải điện Thanh Hóa – Quảng Nam – Đà Nẵng (1987-1990).

**1994-1997** - Công ty xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

- Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc – Nam.

- Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly – Pleiku.

- Năm 1994, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng hệ thống tải điện 500KV Bắc Nam.



**2007**

- Tổng Công ty thực hiện tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng vào tháng 02/2007 và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào tháng 8/2007 với tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 32 triệu cổ phiếu.

- Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động.

**2008-2009**

- Thực hiện triển khai các dự án đầu tư và kinh doanh du lịch, dịch vụ với vai trò là chủ đầu tư.

- Hoàn thành công trình khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn 4 sao tại Đà Nẵng.

**2010 – nay**

- Quý 4 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng.

- Ngày 27/10/2010, Niêm yết bổ sung 31.721.061 cổ phiếu.



**1998**

- Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định 90 TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công ty xây lắp điện 3 trở thành một Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam với vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng.

- Năm 1998, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1993 - 1997 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

**2001**

- Dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép do Tổng Công ty làm chủ đầu tư tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn năm đi vào hoạt động

**2002**

- Công ty xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 862/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2002 và quyết định số 46/2002/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

- Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng đồng thời đẩy mạnh hoạt động: Xây lắp điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...), đầu tư phát triển du lịch dịch vụ và đầu tư các dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Tập trung sắp xếp các đơn vị trực thuộc thành các công ty con là Công ty cổ phần và Công ty TNHH một thành viên đồng thời chuyển các Công ty TNHH một thành viên thành các Công ty cổ phần.

**2004**

- Là chủ đầu tư dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại Thành phố Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nha Trang đạt chuẩn 3 sao; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao; đồng thời cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm.

- Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Pleiku - Phú Lâm, Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, Hà Tĩnh - Thường Tín, Nhà Bè - Ô Môn

**2005**

- Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện (thủy điện Khe Diên, EaKrông Năng, Đăcpring, Chaval...), các dự án kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản và đầu tư phát triển du lịch dịch vụ; mở rộng phát triển lĩnh vực xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...).





## CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2015

### 1 Sản xuất kinh doanh vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch

Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 đạt và vượt kế hoạch (doanh thu đạt: 954,500 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt: 89,174 tỷ đồng vượt 6,55% so với kế hoạch). Được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tặng Cờ thi đua xuất sắc.



### 2 Tổ chức thành công Đại hội Cổ đông

Ngày 25/5/2015, VNECO tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đã bầu Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhiệm kỳ mới đồng thời triển khai một số nội dung chủ yếu về định hướng phát triển của VNECO và cả Tổ hợp VNECO giai đoạn 2015 – 2020 và những năm sau.



### 3 Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ

Tháng 6/2015, VNECO tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Tổng công ty lần thứ IX, nhiệm kỳ 2015 - 2020, bầu ra BCH Đảng bộ để lãnh đạo VNECO thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đề ra.



### 4 Bàn giao các công trình xây lắp ĐZ và Trạm biến áp

Thi công đóng điện hoàn thành bàn giao các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư như: ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết (01/2015), ĐZ 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày (7/2015), TBA 220kV Kon Tum (7/2015), ĐZ và TBA 110kV Văn Giang (12/2015), ĐZ 220kV An Khê - Quy Nhơn (12/2015), đặc biệt là vượt tiến độ dự án Trạm Biến áp 500/220kV Trung tâm Điện lực Duyên Hải vào tháng 6/2015 được Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh tặng khen và công trình ĐZ 500kV Sơn La – Lai Châu vào tháng 10/2015 được Tập đoàn Điện lực Việt Nam tặng Bằng khen.



### 5 Ký kết hợp tác chiến lược với Fuji Electric Japan và Ankura

Phối hợp với Fuji Electric Japan tổ chức hội thảo giới thiệu về máy biến áp và Trạm Gis; Ký kết hợp tác chiến lược giữa VNECO và Fuji Electric Japan vào tháng 8/2015. Ký kết biên bản hợp tác, trở thành đối tác chiến lược của Ankura về cấp ngầm tại Việt Nam.



### 6 Thực hiện tăng vốn điều lệ

Thực hiện chủ trương tăng vốn điều lệ được thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ 2015, Tổng Công ty đã phát hành thành công 18.636.642 CP để trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 637.210.610.000đ lên 823.575.050.000đ.



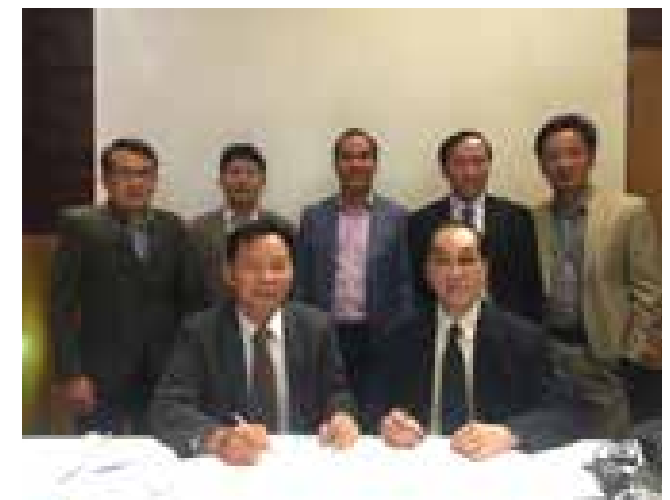
### 7 Thực hiện một phần tái cấu trúc

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc và cơ cấu lại ngành nghề cũng như sắp xếp lại các đơn vị thành viên, VNECO đã thực hiện thành công việc thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP DL Xanh Nghệ An VNECO.



### 8 Ký kết nhiều hợp đồng có giá trị

Tích cực tìm kiếm thị trường, tham gia đấu thầu và ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn nhằm đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và đời sống cho người lao động, góp phần đảm bảo cho công việc của năm 2016.





## MỘT SỐ DANH HIỆU TỔNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



- \* 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì (1994)
- \* 01 Huân chương Độc lập hạng Ba (1998)
- \* 03 Huân chương Lao động hạng Nhất.
- \* 16 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- \* 42 Huân chương Lao động hạng Ba.
- \* 06 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ tặng năm 1992, 1993, 1992 - 1994, 2000, 2004, 2006.
- \* Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng 05 cờ đơn vị xuất sắc trong năm 1992 - 1994, 1993 - 1998, 1995 - 2000, 2004, 2006.
- \* Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng 03 cờ thi đua xuất sắc năm 1992 - 1994, 1993 - 1998 và 2005.
- \* Tổng Công ty đã được tặng hàng trăm bằng khen của UBND các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, Nam Bộ và các ban ngành Trung ương
- \* Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 1999, 2000, 2003, 2004, công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001, 2002, 2005, 2006.
- \* Bộ trưởng Bộ tài chính và Tổng Cục Thuế khen tặng về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2004, 2005, 2006.



**• Ngành nghề kinh doanh**

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

**• Địa bàn kinh doanh**

Địa bàn hoạt động của VNECO hầu như khắp cả nước: các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Nam (từ Khánh Hòa vào các tỉnh phía Nam); các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên; các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (từ Thanh Hóa ra các tỉnh phía Bắc).



**• Hoạt động kinh doanh chính**

**THI CÔNG XÂY LẮP**

Thi công xây lắp là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. Ở lĩnh vực này Tổng công ty thực hiện thi công xây lắp các hạng mục công trình nguồn điện, nhà máy thủy điện, các công trình truyền tải điện đường dây và trạm biến áp đến 500KV. Với nhu cầu phát triển của hệ thống hạ tầng viễn thông, Tổng Công ty cũng đã và đang thực hiện xây lắp nhiều công trình hệ thống thông tin liên lạc như thi công hàn nối cáp quang truyền hình, thi công hệ thống truyền hình, hệ thống điện thoại, tổng đài nội bộ và hệ thống mạng máy tính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp như xây dựng các nhà cao tầng, cao ốc văn phòng, khu nhà ở, các nhà máy thủy điện và đường giao thông.

**Các công trình đã và đang thi công**

**- Xây lắp công trình ĐZ**

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
<b>Đường dây 500KV</b>			
1	ĐZ 500 Kv Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	ĐZ 500kV Yaly - Pleiku	40	1997 - 1999
3	ĐZ 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001 - 2006
4	ĐZ 500Kv Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm	11.483	2001 - 2006
5	ĐZ 500Kv Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001 - 2006
6	ĐZ 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152.01	2001 - 2006
7	ĐZ 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001 - 2006
8	ĐZ 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001 - 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23.96	2007 - 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012 - 2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012 - 2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	35.2	2010 - 2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010 - 2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29.57	2009 - 2013
15	Đz Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013 - 2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014 - 2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013 - 2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29.45	2014 - 2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5.4	2014 - 2016
20	TBA 500KV Pleiku 2	3.453	2015 - 2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5.3	2015 - 2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33.7	2015 - 2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015 - 2017

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
<b>Đường dây 220 KV</b>			
1	ĐZ 220kV Vinh – Đồng Hới	214	
2	ĐZ 220kV Quy Nhơn – Pleiku	76	
3	ĐZ 220kV Pleiku – KrôngBúk	102,4	
4	ĐZ 220kV KrôngBúk – Nha Trang	147	
5	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Hoà Khánh	13,3	
6	ĐZ 220kV Hàm Thuận – Bảo Lộc	28	
7	ĐZ 220kV Ninh Bình – Thanh Hoá	28,415	
8	ĐZ 220kV Hoà Khánh – Huế	82,17	
9	ĐZ 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	ĐZ 220kV Rạch Giá – Bạc Liêu	50	
11	ĐZ 220kV Đa Nhim – Nha Trang	113,33	
12	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Dốc Sỏi	104,6	
13	ĐZ 220kV Đa Nhim – Long Bình	6,44	
14	ĐZ 220kV Cà Mau – Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29,702	
15	ĐZ 220kV Thốt Nốt – Châu Đốc -Tĩnh Biên	96,198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5,232	
17	ĐZ 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang (VT:78 -> VT:145)	35Km	
18	ĐZ 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38Km	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38.82	2007 - 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29.41	2007 - 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35.46	2007 - 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46.85	2007 - 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32.76	2011 - 2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011 - 2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45.7	2012 - 2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mỹ	8.2	2011 - 2014
27	Đz 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	53	2012 - 2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013 - 2016
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1.8	2014 - 2015
30	Đz 220kV Vân Trì - Chèm	17	2012 - 2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013 - 2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17.8	2014 - 2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014 - 2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26.8	2014 - 2015

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014 - 2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13.39	2014 - 2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33.988	2015 - 2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40.45	2015 - 2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2.3	2014 - 2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4.1	2014 - 2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14.2	2015 - 2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013 - 2016
<b>Đường dây 110KV: 1.578.349 Km</b>			
<b>Đường dây đến 35KV: 4.400 Km</b>			

**Một số hình ảnh công trình tiêu biểu**



## - Xây lắp trạm biến áp

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)
<b>Trạm biến áp: 220KV</b>		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125
<b>Trạm biến áp 110kV</b>		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phó	16
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25

## Tham gia xây lắp hoàn thành các công trình thủy điện

### Nhà Máy thủy điện Khe Diên

Vị trí đầu tư: Quế Sơn - Quảng Nam

Diện tích: 9 MW

Thời gian bắt đầu: 2003

Thời gian kết thúc: 2007

### Nhà Máy Thủy điện KRông - HNăng

Vị trí đầu tư: Đắc Lắc - Phú Yên

Diện tích: 64 MW

Thời gian bắt đầu: 2005

Thời gian kết thúc: 2008

## - Xây lắp hoàn thành các công trình viễn thông thông tin:

+ Xây dựng hoàn thành cột anten tự đứng cao 70m cho công an tỉnh Kiên Giang và cột anten tự đứng cao 75m cho Công an tỉnh Đồng Tháp.



## SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Hiện tại, các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm sản xuất cột điện, gia công cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép, khung nhà tiền chế và sản xuất cột điện bê tông ly tâm, sản xuất gạch block các loại.

### - Sản xuất cột điện, Gia công cơ khí - Mạ kẽm nhúng nóng, Kết cấu thép, Khung nhà tiền chế

VNECO có bốn đơn vị thành viên có dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số tự động và dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tiên tiến của Đức chế tạo vào năm đầu của thế kỷ 21. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ISO:9001 - 2000.

Các sản phẩm cơ khí của VNECO đa dạng về chủng loại như khung nhà tiền chế, trụ tháp cao, cột điện, đường dây tải điện, xà giá đỡ cho thiết bị điện và các sản phẩm cơ khí khác..., đặc biệt năng suất gia công lớn và độ chính xác cao nhờ hệ thống máy cắt đột liên hợp thép hình điều khiển điều khiển tự động của Pháp.

### - Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại

VNECO có sáu đơn vị thành viên có dây chuyền sản xuất cột bê tông, và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được Trung tâm kỹ thuật đo lường khu vực 1 (Quatest 1) cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm tại khắp các tỉnh thành đất nước.

## DỊCH VỤ DU LỊCH

Sau hơn 28 năm hình thành và phát triển, VNECO đã khẳng định được vị thế trên thị trường, trở thành thương hiệu uy tín trong lĩnh vực xây dựng điện, khách sạn và du lịch. Đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và du lịch, VNECO đã xây dựng được hệ thống các nhà hàng, khách sạn. Mạng dịch vụ du lịch của VNECO được cung cấp đa dạng đáp ứng được nhu cầu về du lịch trong nước và nước ngoài cho nhiều khách hàng khác nhau.

### Các khách sạn, nhà hàng, siêu thị trong tổng hợp VNECO

#### - Khách sạn Xanh Sài Gòn

Số 702 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Tel: (08) 8453500, 8442452

Fax: (08) 9973998

Email: greentravelhcm@hcm.vnn.vn

#### - Khách sạn Xanh Huế - Nhà hàng Elegant, Nhà hàng Dynasty, Lobby Bar, Nhà hàng Royal

Số 2 Lê Lợi - Tp Huế - TT Huế

Tel: (84)54 2220555

Fax: (84)54 2220272

Mail: smm@greenhotel-hue.com

Website: www.greenhotel-hue.com

#### - Khu biệt thự Cẩm Tú - Vườn Quốc gia Bạch Mã - Thừa Thiên - Huế

#### - Khu du lịch Xanh Lăng Cô - TT Huế

Thị trấn Lăng Cô – huyện Phú Lộc – Thừa Thiên Huế

#### - Nhà Hàng Xanh Huế

## BẤT ĐỘNG SẢN

Để phát triển mảng dịch vụ, VNECO cũng đang triển khai mở rộng các dịch vụ về bất động sản, kinh doanh cao ốc, văn phòng cho thuê đi liền với các dự án thi công xây dựng bất động sản như dự án khu đô thị Mỹ Thuận là khu trung tâm của khu đô thị mới An Vân Dương (1.800 ha) nằm ở phía đông Thành phố Huế với tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng và tổng diện tích quy hoạch là 435.335 m<sup>2</sup>. Đang đầu tư xây dựng dự án Siêu thị Xanh VNECO tại 66 Hoàng Văn Thái, TP Đà Nẵng trên diện tích đất 1,3ha; đang triển khai đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái Xanh Lăng Cô với quy mô diện tích khu đất đầu tư 8,437ha.

#### Khu dân cư Nguyễn Chánh

Vị trí đầu tư: Hòa Khánh - Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

Diện tích: 2,47 ha

Thời gian bắt đầu: 2006

Thời gian kết thúc: 2008

#### Khu đô thị mới Mỹ Thuận

Vị trí đầu tư: Tỉnh TT- Huế

Diện tích: 73ha

Thời gian bắt đầu: 2006

Thời gian kết thúc: 2016





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

### TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Về triển vọng kinh tế toàn cầu, trong bối cảnh còn nhiều rủi ro và bất ổn, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế thế giới năm 2016 sẽ đạt mức 3,6%, cao hơn so với mức tăng trưởng 3,3% của năm 2015.

Về triển vọng kinh tế Việt Nam, Quốc hội cũng đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,7% so với năm 2015 là 6,68%. Bên cạnh đó, việc gia nhập các hiệp định tự do thương mại, đặc biệt Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sẽ đặt áp lực cho Việt Nam trong việc phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt là hạ tầng ngành điện đáp ứng nhu cầu điện cho tiêu dùng và sản xuất, kinh doanh

### TRIỂN VỌNG NGÀNH

Nhu cầu điện tiếp tục gia tăng khi đất nước đang phát triển: Lượng điện tiêu thụ bình quân ở Việt Nam vào khoảng 1.104KWH chỉ bằng 1/5 lần so với mức bình quân so với trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Theo dự báo của Bộ Công Thương ( dựa trên giả định tăng trưởng GDP ) tiêu thụ điện ở Việt Nam dự kiến tăng trưởng 10% mỗi năm cho đến 2020, trong 6 tháng đầu năm 2015 lượng điện tiêu thụ đã tăng 11,6% so với cùng kỳ 2014

Giá điện sẽ tăng do bắt đầu quá trình giảm trợ giá thông qua trình tự do hoá thị trường: Giá điện ở Việt Nam đang rẻ hơn xấp xỉ 50% so với giá điện trung bình tại các nước Châu Á – Thái Bình Dương. Sơ đồ phát triển điện quốc gia sơ đồ điện VII đang đưa ra lộ trình tăng giá điện lên 8-9 cents/KWH vào năm 2020 tương đương với mức tăng gần 19% trong vòng 5 năm tới. Việc tăng giá điện này sẽ giúp cho ngành điện tăng lợi nhuận cao hơn và tăng khả năng tái đầu tư.

Sơ đồ điện VII cũng dự báo tổng vốn đầu tư giai đoạn 2011-2030 sẽ khoảng gần 124 tỷ USD. Theo tính toán Việt Nam sẽ cần khoảng 4,8 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn 2011-2020 để đầu tư vào ngành điện, tuy nhiên theo tính toán của Ngân hàng thế giới lượng vốn đầu tư mỗi năm có thể đạt 7,5 tỷ USD nên việc tham gia của các nhà đầu tư tư nhân là cực kỳ cần thiết.



### CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Phát triển tập trung vào ngành nghề cốt lõi;

Dẫn đầu thị phần xây lắp đường dây, trạm biến áp điện 220kV- 500kV;

Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện;

Tái cấu trúc mạnh mẽ để tập trung nguồn lực thực hiện chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty;

Tăng trưởng doanh số tối thiểu 15%/ năm;

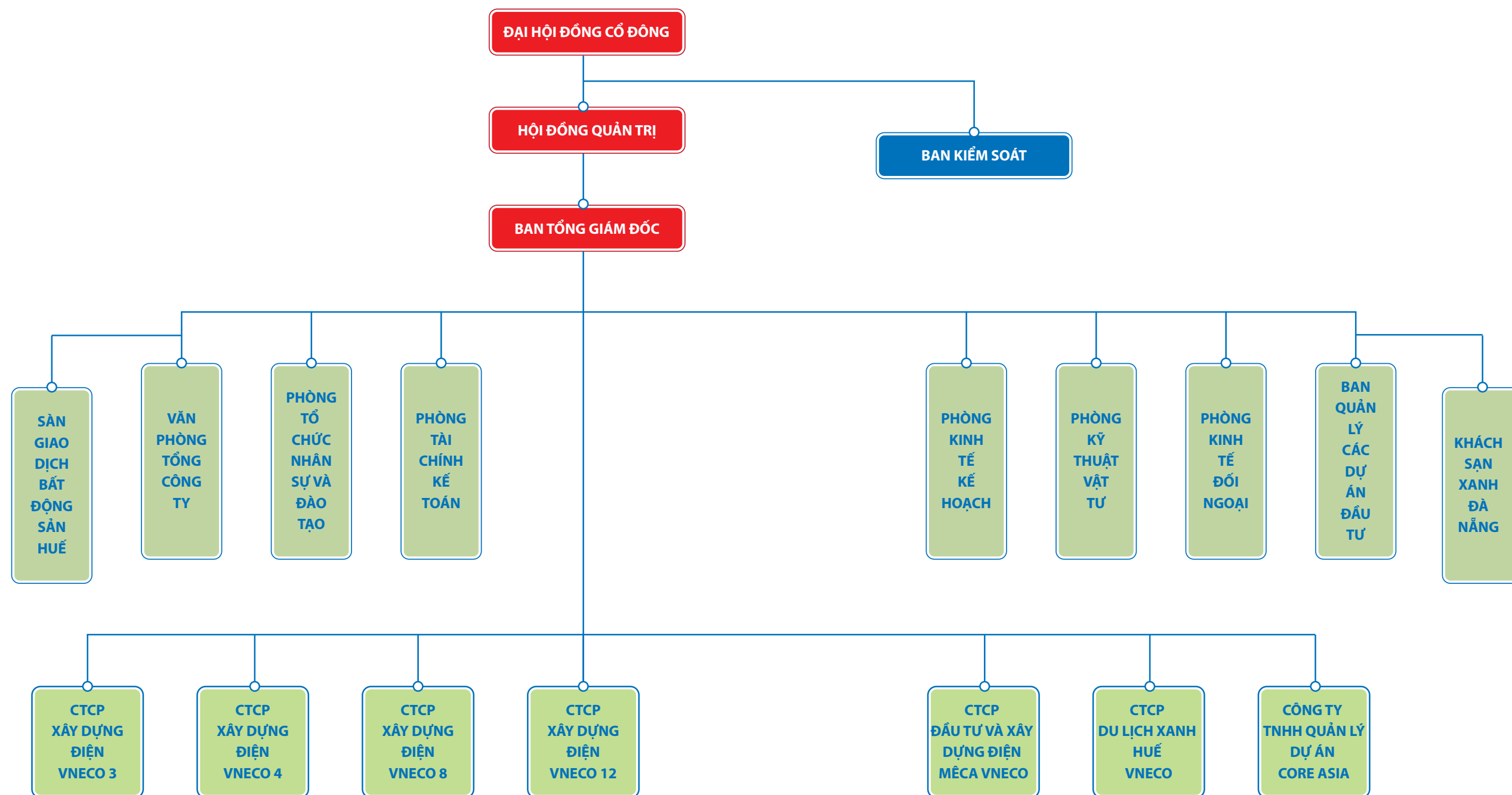


## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 32 Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- 34 Sơ lược các đơn vị thành viên
- 38 Hội đồng quản trị
- 43 Ban Tổng giám đốc
- 44 Ban kiểm soát
- 47 CBCNV và chính sách với người lao động







**CƠ CẤU TỔ CHỨC:**

Tổng công ty hoạt động dưới hình thức mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Tổng công ty. Tổng công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

Là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**BAN KIỂM SOÁT:**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của mình.

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

## ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

### Khách sạn Xanh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,  
Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: +84 511 3764 342



### Sàn Giao dịch Bất động sản VNECO

Địa chỉ: Số 02 Lê Lợi, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

## CÔNG TY CON

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 855006; Fax: 0383 855263

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí, mạ kẽm;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 13.197.100.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 6.985.720.000 đồng, tương đương 52,93% vốn điều lệ

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 538019; Fax: 0383 853433

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi; Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 10.280.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 5.192.580.000 đồng, tương đương 54,73% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 050 859807; Fax: 050 858921

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500 KV, các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao; Sản xuất các cấu kiện bê tông và cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 18.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 9.746.980.000 đồng, tương đương 55,93% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052 839142; Fax: 052 838875

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí; Sản xuất và kinh doanh điện...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 12.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 7.887.200.000 đồng, tương đương 65,73% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO

Địa chỉ: R1 - 72, Bùi Bằng Đoàn, Khu Dân Cư Hưng Phước 1, Khu Đô Thị Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 39975 154; Fax: 08 39975 153

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại; Xây lắp các công trình Đường dây và Trạm biến áp đến 500 kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng; Kinh doanh nhà ở ...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 90.075.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 63.100.000.000 đồng, tương đương 70,05% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO

Địa chỉ: Số 02 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế

Điện thoại: 054.2220555 ; Fax: 054.3824527

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch; vận tải hàng hoá đường bộ;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 59.900.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 58.913.000.000 đồng, tương đương 98,35% vốn điều lệ.

## Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia

Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, 14B Kỳ Đồng, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Tư vấn, Quản lý các dự án đầu tư...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 2.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 1.020.000.000 đồng, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 2

Địa chỉ: 13 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038 3840941 Fax: 038 3840944

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm: xây lắp các công trình hệ thống lưới điện trạm biến áp điện đến 500KV, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic, tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị ...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là: 21.588.800.000

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 5.854.100.000 đồng, tương đương 36,49% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 7

Địa chỉ: 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3735517 Fax: 0511.3735516

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm: xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500KV, sản xuất các cấu kiện bê tông và cột bê tông ly tâm các loại, khai thác và kinh doanh đá xây dựng, đá Granit, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn; Kinh doanh khai thác, tận thu khoáng sản;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là 30.677.700.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 9.560.000.000 đồng, tương đương 31,16% vốn điều lệ.

### Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 10

Địa chỉ: Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 056 841115 ; Fax: 056 841330

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm: xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất...

Vốn điều lệ tại 31/12/2015 là 9.984.500.000 đồng.

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2015 là 3.000.000.000 đồng, tương đương 30,05% vốn điều lệ.

## Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết

Tại thời điểm ngày 30/09/2015, thực hiện quyết định số 39QĐ/VNECO-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc phê duyệt Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của VNECO tại Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An VNECO như sau: tỷ lệ cổ phần nắm giữ trước thời điểm chuyển nhượng là 63,39%; tỷ lệ cổ phần nắm giữ sau thời điểm chuyển nhượng là 0,0%.

Tại thời điểm ngày 30/12/2015, thực hiện Nghị quyết số 41NQ/VNECO-HĐQT ngày 01/12/2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc thông qua phương án tái cấu trúc Công ty Con, Công ty liên kết và cơ cấu tài sản của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn VNECO đầu tư tại các đơn vị như sau:



TT	Tên đơn vị	Vốn đầu tư của VNECO (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%/Vốn điều lệ)	Số cổ phần đã bán	Ghi chú
1	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO (Công ty con)	510.200	60,85	510.200	Kể từ ngày 30/12/2015 không còn là Công ty con
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5 (Công ty liên kết)	405.000	30	405.000	Kể từ ngày 30/12/2015 không còn là Công ty liên kết
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6 (Công ty liên kết)	1.063.655	43,91	1.063.655	Kể từ ngày 30/12/2015 không còn là Công ty liên kết
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11 (Công ty liên kết)	1.668.205	47,66	1.668.205	Kể từ ngày 30/12/2015 không còn là Công ty liên kết





**ÔNG ĐẶNG TRỌNG NGÔN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 16/04/1972

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**03/2005 – 02/2015:** Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Khai Toàn;

**03/2015 đến nay:** Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Khai Toàn;

**2007 đến nay:** Ủy Viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam;

**05/ 2015 đến nay:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 2.730 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ.



**ÔNG ĐOÀN ĐỨC HỒNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 10/6/1963

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**3/1986 - 3/1988:** Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng;

**4/1988 - 12/1990:** Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3;

**1/1991 - 2/1998:** Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3;

**3/1998 - 6/1998:** Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3;

**7/1998 - 3/1999:** Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3;

**4/1999 - 9/2002:** Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3;

**10/2002 - 11/2005:** Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)- Bộ Công nghiệp;

**12/2005 - 5/2015:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**05/2015:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 1.300.000 cổ phần, chiếm 1,61% vốn điều lệ

**Năm sinh:** 04/9/1974

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**3/1997 - 10/2002:** Là Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3;

**11/2002 - 11/2005:** Là Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3;

**12/2005 - 8/2006:** Là Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**9/2006 12/2006:** Là Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**01/2007 đến nay:** Là Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 208.000 cổ phần, chiếm 0,258% vốn điều lệ



**ÔNG PHAN ANH QUANG**  
Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng



**ÔNG NGUYỄN TỊNH**

Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 08/5/1974

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư xây dựng

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**Từ 8/1997 - 10/2002:** Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;

**11/2002 - 10/2003:** Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;

**11/2003 - 3/2004:** Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3;

**từ 4/2004 - 11/2005:** Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3;

**12/2005 - 9/2009:** Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**10/2009- 4/2015:** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**5/2015 đến nay:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 155.545 cổ phần, chiếm 0,193% vốn điều lệ

**Năm sinh:** 15/05/1979

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**Từ 12/2009 - 03/2011:** Phụ trách các vấn đề về Đầu tư xây dựng của Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Trưởng Ban Quản lý dự án Khách sạn KHÁCH SẠN MỸ KHÊ ĐỨC LONG;

**05/2010 - 09/2012:** Làm việc tại DNTN Đặng Duy Phương, Trưởng Ban Quản lý dự án KHÁCH SẠN SÔNG CÔNG;

**03/2011 đến nay:** Là Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Bảo Phước;

**05/2015 đến nay:** Là Thành viên HĐQT - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 50.000 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ



**ÔNG LÊ THANH HỒNG**

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 22/10/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Tiền tệ

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**2000 - 2003:** Quản lý kinh doanh - Công ty LG VINA;

**2003 - 2007:** Giám đốc kinh doanh miền Nam Công ty Donataba;

**2005 - 2010:** Phó Chủ tịch, Chủ tịch Hội sinh viên sáng tạo Sài Gòn;

**2007- /2009:** Giám đốc kinh doanh Miền Nam Công ty Việt Tiệp;

**2009 - 2012:** Giám đốc kinh doanh Sunhouse Miền Nam;

**2009 - 2013:** Phó Chủ tịch Hội Gia dụng Miền Nam - Việt Nam;

**2010 - 2013:** Thành viên HĐQT Công ty Du lịch Đông Minh;

**05/2015 đến nay:** Là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 50.000 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ



**ÔNG TRƯƠNG PHƯỚC NGHĨA**

Thành viên Hội đồng quản trị



**ÔNG PHAN TRỊNH ANH TUẤN**

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 25/4/1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**Từ 01/2004 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Khải Toàn, Giám đốc Công ty CP phân phối thiết bị điện KTG;

**05/2015 đến nay:** Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 50.000 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ



#### THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH

Tại ngày 25/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 thay đổi như sau:

- |                             |   |
|-----------------------------|---|
| 1/ Ông Đặng Trọng Ngôn:     | Chủ tịch (từ ngày 25/05/2015)                 |
| 2/ Ông Đoàn Đức Hồng:       | Thành viên (thời Chủ tịch từ ngày 25/05/2015) |
| 3/ Ông Phan Anh Quang:      | Thành viên                                    |
| 4/ Ông Nguyễn Tịnh:         | Thành viên                                    |
| 5/ Ông Trương Phước Nghĩa:  | Thành viên                                    |
| 6/ Ông Lê Thanh Hồng:       | Thành viên                                    |
| 7/ Ông Phan Trịnh Anh Tuấn: | Thành viên                                    |
| 8/ Ông Nguyễn Trọng Bình:   | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |
| 9/ Ông Nguyễn Thành Đồng:   | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |
| 10/ Ông Nguyễn Đâu Thảo:    | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |
| 11/ Ông Phan Tất Trung:     | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |
| 12/ Ông Thái Văn Chấn:      | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |
| 13/ Bà Nguyễn Thị Tâm:      | Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)      |

## BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG LÊ CHÍ DŨNG**  
Trưởng ban kiểm soát

**Năm sinh:** 04/8/1968

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính – Kế Toán

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

**1992 - 1996:** Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán – Công ty Xây lắp điện 3;

**1996 - 1999:** Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3;

**2000 - 2001:** Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3;

**2002 - 2004:** Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3;

**2004 - 2007:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**2007 - 2008:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO11 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**2008 - 2009:** Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**2009 - 2015:** Phó phòng Tài chính – Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**06/2015 đến nay:** Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 19.500 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ



**BÀ NGUYỄN THỊ THUÝ VINH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 24/05/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

**2000 - 2002:** Kế toán tổng hợp Công ty TNHH mực in Royal;

**2002 - 2006:** Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Thiết bị điện & chiếu sáng Hồng Phúc;

**2006 - 2012:** Kế toán trưởng - Công ty CP Thiết bị điện & chiếu sáng Hồng Phúc;

**12/2012 - 2015:** Kế toán trưởng - Công ty CP Phân phối KTG Miền Bắc;

**1/2015 - 4/2015:** Là Phó Giám đốc Hậu cần - Công ty CP phân phối KTG Miền Bắc;

**4/2015 đến nay:** Giám đốc Công ty CP phân phối KTG Miền Bắc; Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: không cổ phần



**ÔNG LÊ MINH TUẤN**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 28/06/1983

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân khoa Kinh tế

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

**2006 - 2013:** Làm việc tại Công ty CP Chứng Khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM;

**2013 đến nay:** Làm việc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM;

**Chức vụ công tác hiện nay:** Thành Viên Ban Kiểm Soát - Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: không cổ phần

#### THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tại ngày 25/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua danh sách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 thay đổi như sau:

- 1/ Ông Lê Chí Dũng: Trưởng ban
- 2/ Nguyễn Thị Thuý Vinh: Thành viên
- 3/ Ông Lê Minh Tuấn: Thành viên
- 4/ Ông Đào Hữu Chuộng: Trưởng ban (từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)
- 5/ Bà Thái Thị Thùy Trang: Thành viên (từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)
- 6/ Ông Lê Thanh Nhã: Thành viên (từ nhiệm từ ngày 25/05/2015)



**ÔNG ĐOÀN ĐỨC HỒNG**  
Tổng Giám đốc

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**3/1986 - 3/1988:** Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III- Bộ Năng lượng;  
**4/1988 - 12/1990:** Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3;  
**1/1991 - 2/1998:** Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3;  
**3/1998 - 6/1998:** Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3;  
**7/1998 - 3/1999:** Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3;  
**4/1999 - 9/2002:** Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3;  
**10/2002 - 11/2005:** Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp;  
**12/2005 - 5/2015:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;  
**05/2015:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.  
 Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 1.300.000 cổ phần, chiếm 1,61% vốn điều lệ



**ÔNG NGUYỄN TỊNH**  
Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 08/5/1974

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư xây dựng

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**8/1997 - 10/2002:** Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;  
**11/2002 - 10/2003:** Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;  
**11/2003 - 3/2004:** Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3;  
**từ 4/2004 - 11/2005:** Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3;  
**12/2005 - 9/2009:** Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;  
**10/2009 - 4/2015:** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;  
**5/2015 đến nay:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.  
 Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 155.545 cổ phần, chiếm 0,193% vốn điều lệ



**ÔNG TRẦN VĂN HUY**  
Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 01/5/1965

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

**7/1987 - 2/1988:** Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế;  
**3/1988 - 10/1994:** Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3;  
**11/1994 - 11/1995:** Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3;  
**12/1995 - 8/1999:** Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3;  
**9/1999 - 9/2002:** Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3;  
**10/2002 - 11/2005:** Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp);  
**12/2005 - 12/2006:** Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;  
**01/2007 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.  
 Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 95.000 cổ phần, chiếm 0,118 % vốn điều lệ



**ÔNG NGÔ VĂN CƯỜNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 30/5/1974

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Hệ thống điện

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

**8/1997 - 6/1999:** Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;

**7/1999 - 11/2002:** Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;

**12/2002 - 11/2005:** Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3;

**12/2005 - 9/2009:** Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

**10/2009 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2015: 95.000 cổ phần, chiếm 0,118 % vốn điều lệ

#### Thay đổi thành viên Ban điều hành

Tại ngày 25/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua danh sách thành viên Ban điều hành nhiệm kỳ 2015-2020 thay đổi như sau:

Ông Nguyễn Trọng Bình - Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu từ ngày 01/07/2015



## CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng CBCNV của VNECO

**164** người

Tổng lao động cả tổ hợp VNECO

**1.750** người

Thu nhập bình quân

**8.700.000**  
đồng/người/tháng

Tổng số cán bộ công nhân viên của VNECO (bao gồm khối Văn phòng Tổng Công ty và 2 đơn vị trực thuộc là Khách sạn Xanh Đà Nẵng và Sàn giao dịch Bất động sản VNECO) đến thời điểm 31/12/2015 là 164 người; Thu nhập bình quân đạt 8.700.000 đồng/người/tháng. Lao động cả tổ hợp VNECO là: 1.750 người.

Trải qua 24 năm hình thành và phát triển, đội ngũ nhân sự của VNECO không chỉ tăng về số lượng mà còn không ngừng phát triển trau dồi về kinh nghiệm và nâng cao kiến thức chuyên môn. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã ban hành Nội quy lao động, quy chế tuyển dụng, quy chế lương thưởng cho cán bộ nhân viên và thực hiện tốt mọi chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động như: Ký hợp đồng lao động, thực hiện đóng đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động; khám sức khỏe định kỳ...





## BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

- 50 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015
- 53 Tình hình thực hiện các dự án
- 55 Kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2016



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

+ Tổng doanh thu và thu nhập đạt 954,500 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 89,174 tỷ đồng, vượt kế hoạch đặt ra 6,55%

### - Kết quả kinh doanh theo BCTC riêng của VNECO

Doanh thu, thu nhập : 954,500 tỷ đồng: 100%

Trong đó:

Doanh thu bán hàng và CC DV: 913,421 tỷ đồng: 95,7%

Doanh thu HĐTC: 40,020 tỷ đồng: 4,2%

Thu nhập khác: 1,058 tỷ đồng: 0,1%

Lợi nhuận sau thuế: 89,174 tỷ đồng

### - Kết quả kinh doanh hợp nhất của tổ hợp của VNECO

Doanh thu, thu nhập: 1.109,045 tỷ đồng: 100%

Trong đó:

Doanh thu bán hàng và CC DV: 1.043,552 tỷ đồng: 94,09 %

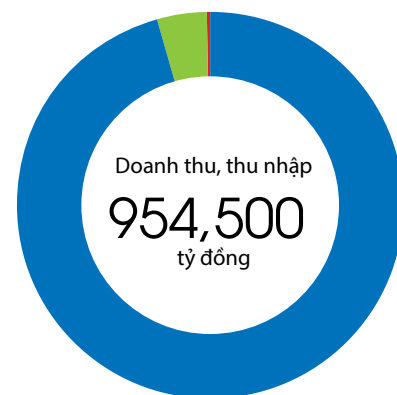
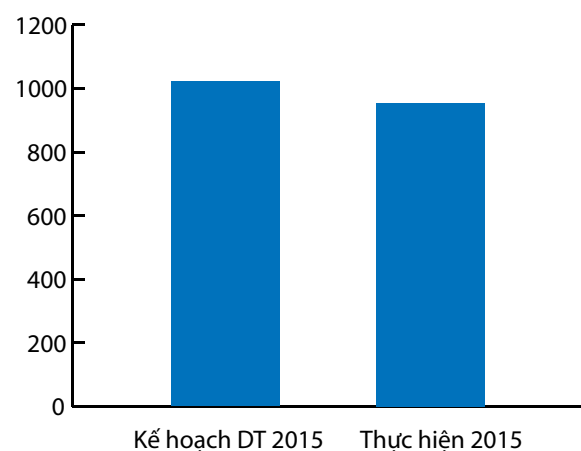
Doanh thu HĐTC: 35,615 tỷ đồng: 3,21 %

Thu nhập khác: 29,878 tỷ đồng: 2,7%

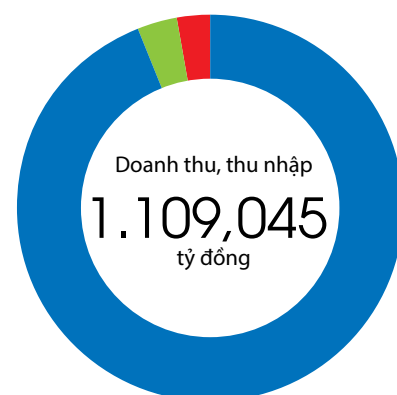
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 96,602 tỷ đồng

### - Tình hình thực hiện so với kế hoạch

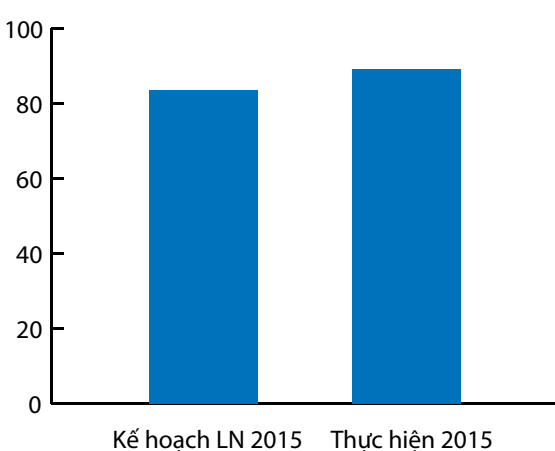
Chi tiêu	Kế hoạch 2015 (triệu đồng)	Thực hiện 2015 (triệu đồng)	Chênh lệch thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Tổng doanh thu và thu nhập	1.022,205	954,500	(67,71)	93,38
Lợi nhuận sau thuế	83,695	89,174	5,48	106,55



- Doanh thu bán hàng và CC DV: 913,421 tỷ đồng
- Doanh thu HĐTC: 40,020 tỷ đồng
- Thu nhập khác: 1,058 tỷ đồng



- Doanh thu bán hàng và CC DV: 1.043,552 tỷ đồng
- Doanh thu HĐTC: 35,615 tỷ đồng
- Thu nhập khác: 29,878 tỷ đồng



### - Kết quả kinh doanh của Tổng công ty năm 2015 theo các lĩnh vực

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: 913,421 tỷ đồng: 100%

Trong đó:

- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp: 867,508 tỷ đồng: 95%

- Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản: 42,107 tỷ đồng: 4,6%

- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch khách sạn: 3,806 tỷ đồng: 0,4%

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 114,429 tỷ đồng

Doanh thu thu nhập khác: 1,058 tỷ đồng

Lợi nhuận khác: (1,580) tỷ đồng

### - Kết quả kinh doanh của Tổng công ty và các công ty con (số liệu hợp nhất):

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.043,552 tỷ đồng: 100%

Trong đó:

- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp: 919,088 tỷ đồng: 88,07%

- Doanh thu thuần bán hàng: 32,519 tỷ đồng: 3,11 %

- Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản: 42,107 tỷ đồng: 4,03%

- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch khách sạn: 49,314 tỷ đồng: 4,72%

- Doanh thu thuần hoạt động khác: 0,523 tỷ đồng: 0,07%

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 107,393 tỷ đồng

Doanh thu thu nhập khác : 29,878 tỷ đồng

Lợi nhuận khác: 21,558 tỷ đồng

### - Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động

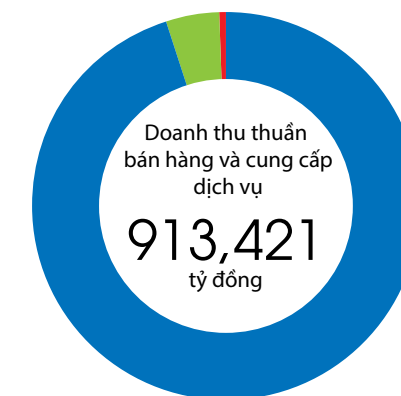
#### \* Những thuận lợi:

- Tình hình kinh tế, chính trị ổn định, lãi suất cho vay giảm nên chi phí tài chính giảm.

- Khối lượng thi công các công trình đạt với khối lượng khá lớn, được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán

- Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ từ 637,211 tỷ đồng lên 823,575 tỷ đồng.

- Thực hiện tái cấu trúc Công ty con, Công ty liên kết và cơ cấu tài sản của Tổng Công ty. Trong năm 2015, đã thực hiện hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại 2 công ty con, 3 Công ty liên kết và chuyển nhượng một số



- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp: 867,508 tỷ đồng
- Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản: 42,107 tỷ đồng
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch khách sạn: 3,806 tỷ đồng



- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp: 919,088 tỷ đồng
- Doanh thu thuần bán hàng: 32,519 tỷ đồng
- Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản: 42,107 tỷ đồng
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch khách sạn: 49,314 tỷ đồng
- Doanh thu thuần hoạt động khác: 0,523 tỷ đồng

dự án khác.

- Tình hình bất động sản ảm đạm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bán các sản phẩm bất động sản.

- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia (NPT) đẩy mạnh đầu tư nhiều dự án nguồn, lưới điện. Đây là cơ hội Tổng Công ty tham gia và trúng thầu nhiều gói thầu với giá trị lớn.

#### \* Những khó khăn:

- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà thầu.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên một số khối lượng thi công không đạt kế hoạch đề ra, chi phí tài chính tăng cao.

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Hoạt động xây lắp các công trình điện

Trong năm 2015, VNECO đã tích cực tham gia đấu thầu và trúng nhiều công trình có giá trị lớn (543,68 tỷ): ĐZ 220kV Long Phú - Sóc Trăng (lô 6.2); ĐZ 500kV Sông Mây - Tân Uyên; Đường dây 500kV TTĐL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên (lô 7.3); TBA 500kV Tân Uyên; Nhánh rẽ 500kV đấu nối TBA 500kV Pleiku 2; ĐZ 220kV Xekaman1 - Pleiku2 (lô 8.1& lô 8.3), ĐZ 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 tạo việc làm trong năm 2015 và đầu năm 2016

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã đóng điện thành công các công trình: ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết; TBA 500/220kV Duyên Hải; ĐZ 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày; TBA 220kV Kon Tum; ĐZ 500kV Sơn La-Lai Châu; ĐZ và TBA 110kV Văn Giang (13/12/2015); ĐZ 220kV An Khê - Quy Nhơn; Tham gia các dự án EPC, cấp ngầm, thương mại và đạt một số kết quả nhất định.

### Phát triển và khai thác dự án bất động sản khu đô thị mới Mỹ Thượng - Phú Vang - Thừa Thiên Huế

Đã đầu tư hoàn thành phần hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Công tác san nền, xây lắp đường giao thông, thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống cấp điện.

Được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp cho Chủ đầu tư 919 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 114.315,2 m<sup>2</sup>/124.632 m<sup>2</sup> đất ở (919 lô/998 lô đất ở).

### Thực hiện hợp đồng thi công dự án điện năng lượng tái tạo

Sau khi tiếp cận dự án VNECO và RENERGY đã cùng nhau thương thảo các nội dung công việc liên quan đến dự án và đã đi đến thống nhất ký hợp đồng EPC số 01/2015/EPC/REN-VNECO ngày 16 tháng 11 năm 2015 "Thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, nhân công, thi công xây lắp, thí nghiệm hiệu chỉnh, tổ chức nghiệm thu đóng điện các hạng mục TBA 110kV Thuận Nhiên Phong, Đường dây 110kV Thuận Nhiên Phong - Mũi Né và Ngăn lộ mở rộng 110kV tại TBA 110kV Mũi Né" thuộc dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong.

Tổng giá trị hợp đồng đã ký là 144.200.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn tỷ, hai trăm triệu đồng).



## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2016

### \* Những thuận lợi:

- Khối lượng chuyển tiếp từ năm 2015 như: ĐZ 500kV Long Phú - Ô Môn (dựng cột, kéo dây, tiến độ quý 4/2016), ĐZ 500kV Long Phú-Sóc Trăng (dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 7/2016), TBA 500kV Tân Uyên (tiến độ tháng 8/2017), ĐZ 500kV Sông Mây - Tân Uyên (đúc móng, dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 6/2017), ĐZ 220kV Cầu Bông - Hóc Môn - rẽ Bình Tân (đúc móng, dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 3/2016), ĐZ 220kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2 (kéo dây, tiến độ tháng 3/2016), Nhánh rẽ 500kV đấu nối TBA 500kV Pleiku 2 (tháng 3/2016), ĐZ 220kV Xekaman1 - Pleiku2 (lô 8.1&8.3) (đúc móng, dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 3/2016), Đường dây 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 (đúc móng, dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 10/2016); TBA 220kV Long Xuyên 2 & Đường dây đấu nối (đúc móng, dựng cột, kéo dây, tiến độ tháng 7/2017),....;

- Nhiều công trình lớn được EVN/NPT dự kiến triển khai trong năm 2016, Tạo điều kiện thuận lợi cho TCT tham gia tìm kiếm việc làm.

- Tình hình bất động sản năm 2016 dự báo sẽ ấm lên sẽ được cải thiện dần từng bước và có nhiều tín hiệu lạc quan.

### \* Những khó khăn:

- Tình hình vật tư chủ đầu tư cấp chậm, vướng mắc đền bù, giá cả nguyên vật liệu đầu vào, nhân công tăng cao vẫn là các nguyên nhân ảnh hưởng nhất đến tình hình sản xuất kinh doanh của toàn tổ hợp.

- Việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng còn hạn chế.

- Thị trường Xây lắp và đấu thầu cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu.

.v.v...

### Lĩnh vực Xây dựng điện, sản xuất công nghiệp

- VNECO tiếp tục tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm yêu cầu đóng điện, đồng thời khối lượng thực hiện năm 2016 chủ yếu là các hạng mục đào đúc móng, lắp dựng cột và kéo rải căng dây các công trình chuyển tiếp từ năm 2015 và các công trình mới trúng thầu trong năm 2016.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống trong cả tổ hợp và đặc biệt quan tâm theo dõi thường xuyên để giành các dự án ngành điện lớn



### Lĩnh vực đầu tư Bất động sản

#### - Đối với dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng tại xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 12/04/2016 VNECO đã ký hợp đồng số 613/2016/HĐTT&PPĐQ/ĐXMT-VNE với Công ty CP Đất Xanh Miền Trung để tiếp thị và phân phối độc quyền về việc độc quyền phân phối toàn bộ sản phẩm của Khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh TT Huế, Theo đó Công ty CP Đất Xanh Miền Trung cam kết sẽ phân phối bán hết 594 sản phẩm trong 15 tháng, cụ thể:

- 94 (chín mươi bốn) Nền Đất: được phép bán nền;
- 14 (mười bốn) căn nhà đã xây thô;
- 01 (một) căn nhà đã hoàn thiện;
- 12 (mười hai) lô đất đã ép cọc;
- 473 (bốn trăm bảy mươi ba) Nền đất xây Nhà Phố để bán.

Với kế hoạch bán hàng đã hợp tác với Công ty CP Đất Xanh Miền Trung và một số đối tác khác.Trong năm





2016, dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng sẽ mang về cho VNECO khoảng 102 tỷ doanh thu và trên 20 tỷ đồng lợi nhuận.

**- Đối với dự án Khu Du lịch Sinh thái Xanh Lăng Cô, Thừa Thiên Huế**

+ Tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Ban QLKT Chân Mây Lăng Cô để điều chỉnh thiết kế quy hoạch dự án. Trình duyệt để cấp phép các hạng mục công trình để triển khai thi công.

+ Triển khai thi công một số hạng mục công trình.

+ Tích cực tìm kiếm đối tác để liên doanh hợp tác đầu tư và chuyển nhượng dự án khi hoàn thành.

**Đầu tư tài chính**

Trong năm 2016, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết theo nguyên

tắc: những công ty kinh doanh có nhiều triển vọng tốt, chủ lực trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, những ngành chiến lược... thì tăng tỷ lệ vốn của Tổng công ty trong vốn điều lệ; Những công ty kinh doanh kém hiệu quả, không có nhiều triển vọng thì thoái vốn đầu tư. Việc tăng, giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty thành viên trong tổ hợp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời cũng thực hiện đầu tư tài chính linh hoạt vào các Công ty niêm yết trên sàn ngoài tổ hợp có giá trị lợi nhuận cao.

Việc chuyển nhượng vốn đầu tư trên nhằm sử dụng linh hoạt và có hiệu quả nguồn vốn, tăng nguồn trả nợ vay, giảm áp lực tài chính cho Tổng công ty, mặt khác nhằm tập trung nguồn lực đảm bảo đủ mạnh để thực hiện các công trình điện lớn của ngành điện, là ngành nghề truyền thống và chủ đạo của tổ hợp VNECO.

**Tái cấu trúc lại tài sản tại Công ty mẹ và các công ty trong tổ hợp VNECO**

Đẩy mạnh chủ trương tái cấu trúc tài sản tại Công ty mẹ, các công ty con trong tổ hợp theo Nghị quyết số 41 NQ/VNECO - HĐQT ngày 01/12/2015 về việc thông qua phương án tái cấu trúc công ty con và cơ cấu tài sản Tổng Công ty nhằm thu hồi vốn và tăng lợi nhuận cho VNECO trong năm 2016, cụ thể:

+ Thực hiện chuyển nhượng Khách sạn Xanh Huế tại Công ty CP DL Xanh Huế VNECO, dự kiến thu về gần 120 tỷ đồng lợi nhuận và thu về dòng tiền trên 200 tỷ đồng;

+ Chuyển nhượng tài sản tại Công ty CP XD điện MÊCA VNECO, dự kiến thu về dòng tiền khoảng 115 tỷ đồng.



TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
<b>Phần I- Hoạt động kinh doanh</b>		
I	Doanh thu tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ	887.827
1	Xây lắp và Xây dựng các công trình	780.234
2	Bất động sản tại Khu đô thị Mỹ Thượng Huế	102.593
3	Dịch vụ khách sạn	5.000
II	Chi phí giá vốn hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ	779.298
1	Xây lắp các công trình điện	691.885
2	Bất động sản tại Khu đô thị Mỹ Thượng Huế	82.413
3	Dịch vụ khách sạn	5.000
A	Lợi nhuận gộp từ KD HH, dịch vụ (I-II)	108.529
I	Doanh thu tài chính	87.345
II	Chi phí tài chính	(28.930)
B	Lợi nhuận từ HĐ tài chính (I-II)	116.274
1	Thu nhập khác	-
2	Chi phí khác	-
C	Thu nhập từ hoạt động khác (1-2)	-
D	Chi phí bán hàng (tiêu thụ)	444
E	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.513
F	Lợi nhuận trước thuế (A+B+C-D-E)	159.846
G	Thuế thu nhập DN phải nộp (20%)	19.796
K	Thuế thu nhập DN hoãn lại	-
H	Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD (F-G-K)	140.050
<b>Phần II - Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận</b>		
I	Lợi nhuận sau thuế (Năm 2016)	140.050
II	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối còn lại	41.065
III	Lợi nhuận sau thuế phân phối quỹ và chia cổ tức (I+II)	181.115
1	Vốn điều lệ đầu năm (01/01/2016)	823.575
2	Vốn điều lệ cuối năm (31/12/2016) dự kiến	905.933
3	Cổ phiếu đang lưu hành (trừ 1,598,920 cổ phiếu quỹ)	88.994.330
4	Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	1.574
VI	Kế hoạch chia cổ tức năm 2016 (%)	10



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 58 Tình hình tài chính của VNECO
- 59 Tình hình tài chính của tổ hợp VNECO
- 60 Tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết
- 67 Kế hoạch phát triển trong tương lai



**Các chỉ tiêu tài chính của VNECO**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70,54	69,86
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29,46	30,14
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	51,12	46,09
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	48,88	53,91
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,74	1,48
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,85	1,53
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,30	5,09
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,84	9,76
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,72	9,43
5	Những thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu	tỷ	637,21	823,575
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	733,94	945,42
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành	cp	63.721.061	82.357.505
	Toàn bộ số cổ phiếu của Tổng công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông. Trong đó: cổ phiếu quỹ là	cp	1.598.920	1.598.920
8	Trái phiếu không chuyển đổi có đảm bảo (2 năm)	tỷ	150	150

**Kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ của VNECO**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	902.021.331.454	913.420.973.948
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	75.395.598	0
3	D.thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	901.945.935.956	913.420.973.948
4	Giá vốn hàng bán	630.844.099.386	776.903.834.424
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.101.836.470	136.517.139.524
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17.238.305.575	40.020.978.602
7	Chi phí tài chính	132.771.861.580	22.309.512.355
8	Chi phí bán hàng	14.407.727	15.346.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.846.878.568	39.783.982.177
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	100.706.994.170	114.429.277.594
11	Thu nhập khác	1.332.392.600	1.058.058.789
12	Chi phí khác	58.349.109.411	2.638.334.776
13	Lợi nhuận khác	(57.016.716.811)	(1.580.275.987)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.690.277.359	112.849.001.607
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.083.987.329	24.055.938.539
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(381.054.466)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.606.290.030	89.174.117.534

**Các chỉ tiêu tài chính của tổ hợp VNECO**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	43,51	41,93
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,49	58,07
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,03	45,46
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,97	54,54
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,36	1,21
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,49	1,29
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,50	5,16
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,60	9,26
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,01	9,47

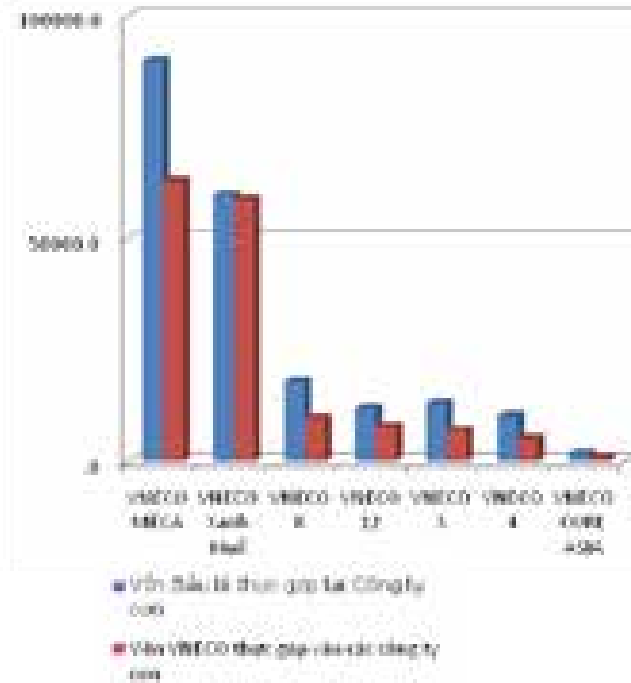
**Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ hợp VNECO**

TT	Chỉ tiêu	2014	2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.933.001.313	1.043.584.739.816
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	114.663.643	32.890.909
3	D.thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.818.337.670	1.043.551.848.907
4	Giá vốn hàng bán	721.518.390.788	875.402.056.559
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.299.946.882	168.149.792.348
6	Doanh thu hoạt động tài chính	16.961.342.800	35.615.211.593
7	Chi phí tài chính	75.482.710.374	34.427.860.270
8	Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	6.117.188.294	4.276.773.471
9	Chi phí bán hàng	2.797.966.981	2.178.274.458
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.511.697.236	64.042.174.746
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	174.586.103.385	107.393.467.938
12	Thu nhập khác	8.003.231.235	29.878.096.079
13	Chi phí khác	60.317.189.976	8.320.027.310
14	Lợi nhuận khác	(52.313.958.741)	21.558.068.769
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	122.272.144.644	128.951.536.707
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.529.769.678	29.202.973.018
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	16.676.961.070	(381.054.466)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.065.413.896	100.129.618.155
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	88.991.805.283	96.602.205.889
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	4.073.608.613	3.527.412.266
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.282	1.327

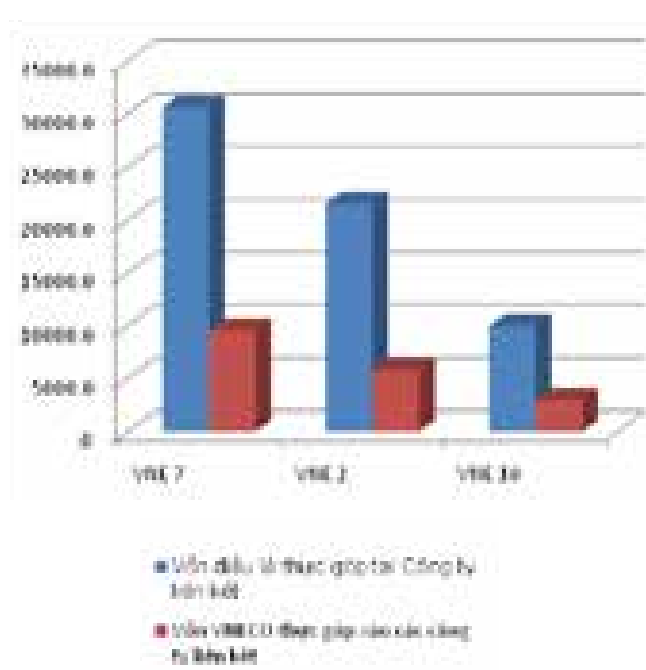
## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON

### Các Công ty có vốn góp của VNECO

Biểu đồ vốn đầu tư của VNECO vào các công ty con tại 31/12/2015 (triệu đồng):



Biểu đồ vốn đầu tư của VNECO vào các công ty liên kết tại 31/12/2015 (triệu đồng):



### Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	92,53 7,47	8,81 91,19
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N, vốn	% %	40,14 59,86	50,59 49,41
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	1,93 2,31	1,48 1,80
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	10,72 10,37 17,91	9,14 8,89 18,49
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	13,20	13,20
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	18,347	18,68
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	1.319.710	1.319.710

### Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	21,19 78,81	19,46 80,54
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N, vốn	% %	48,13 51,87	56,51 43,49
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	1,61 1,64	1,37 1,45
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	11,47 14,13 22,12	6,12 7,79 14,08
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	10,28	10,28
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	17,479	16,32
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	1.028.000	1.028.000

### Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	19,08 80,92	17,68 82,32
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	53,25 46,75	53,09 46,91
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	1,34 1,52	1,33 1,55
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	5,74 6,34 12,28	6,89 6,55 14,70
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	18,00	18,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	21,517	21,79
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	1.800,00	1.800.000

**Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	21,23 78,77	22,65 77,35
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	57,28 42,72	59,47 40,53
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,99 1,38	0,93 1,30
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	4,53 3,16 10,60	5,71 4,31 14,10
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	12,00	12,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	14,84	15,80
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	1.200.000	1.200.000

**Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	94,21 5,79	95,17 4,83
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	63,28 36,72	66,75 33,25
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,09 0,09	0,07 0,07
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	(2,07) (24,84) (5,64)	(3,86) (97,35) (11,61)
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	90,075	90,08
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	69,44	62,22
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	9.007.500	9.007.500

**Công ty Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	86,81 13,19	89,55 10,45
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	110,73 (10,73)	117,68 (17,68)
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,16 0,16	0,10 0,11
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	(2,88) (7,48) %	(6,27) (20,92) %
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	59,9	59,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	(15,203)	(23,56)
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp	5.990.000	5.900.000

**Công ty Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %		- 100,00
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %		39,06 60,99
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần		2,56 2,56
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %		(42,21) (203,48) (69,20)
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ		2,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ		1,18
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	cp		-



**Các chỉ tiêu tài chính của các Công ty liên kết**

**Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	10,43 89,57	9,74 90,26
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	39,16 60,84	58,91 41,09
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	2,15 2,40	1,40 1,53
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	7,36 9,58 12,10	8,49 6,77 20,66
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	21,59	21,59
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	24,99	27,54
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông cổ phiếu quỹ mua lại là:)	cp	2.158.880 60.800	2.158.880 60.800

**Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	9,89 90,11	15,18 84,82
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	61,74 39,48	58,27 41,73
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,91 1,46	0,75 1,46
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	2,04 2,13 5,17	1,78 2,03 4,27
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	30,68	30,68
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	27,29	28,51
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu quỹ mua lại là:	cp	3.067.770 200.480	3.067.770 200.480

**Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	7,54 92,46	6,25 93,75
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	% %	63,31 36,69	65,67 34,33
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	1,16 1,46	1,21 1,43
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	3,08 2,50 8,38	4,63 2,85 13,48
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	9,99	9,99
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	14,32	15,35
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành (toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông)	1.000	998,45	998.450

**Báo cáo các chỉ tiêu kết quả kinh doanh các Công ty con và Công ty liên kết năm 2015:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Doanh thu, thu nhập khác	Lợi nhuận khác	Lợi nhuận sau thuế TNDN
Công ty con								
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3		38,84	7,25	3,70	0,84	0,74	3,45
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4		29,49	5,19	2,62	0,58	0,53	2,30
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8		48,89	9,36	4,49	-	(0,34)	3,20
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12		51,72	6,81	2,81	0,05	0,04	2,23
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MECA VNECO		7,42	0,12	(7,21)	0,06	(0,16)	(7,22)
6	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO		39,95	0,63	(9,49)	1,22	1,13	(8,36)
7	Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia		0,40	0,40	(0,82)	-	-	(0,82)
Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2		84,01	12,32	7,10	0,20	0,12	5,69
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7		60,09	5,05	1,12	0,14	0,10	1,22
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10		72,47	8,45	2,34	0,33	0,31	2,07



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Mục tiêu chung

- Tiếp tục phát triển Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện bao gồm cả cung cấp vật tư ngành điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện); Thực hiện xây lắp các dự án năng lượng tái tạo; đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Phần đầu đạt mức tăng trưởng ổn định và bền vững cho cả Tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty Con; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà Nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông; giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho Người lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới nhằm phát huy loại hình Công ty cổ phần trong Tổ hợp mô hình Công ty mẹ - Công ty con cổ phần. Tiếp tục thực hiện 3 chương trình lớn của Tổng công ty đề ra: Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp; Chương trình nâng cao chất lượng công trình và sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; Chương trình thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí. Cụ thể trong năm 2016 cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu trên lĩnh vực Xây lắp, sản xuất công nghiệp để đảm bảo doanh thu trong năm 2016 và những năm tiếp theo. Phát triển thị trường xây lắp điện, nghiên cứu đầu tư nhân lực, trang thiết bị để thực hiện xây lắp các dự án điện năng lượng tái tạo sản xuất kết cấu thép mạ kẽm chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

+ Tiếp tục thực hiện cơ cấu nguồn vốn linh hoạt, tìm kiếm các nguồn tài chính đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh. Xúc tiến để đưa cổ phiếu của một số Công ty thành viên lên sàn giao dịch chứng khoán, nhằm tạo kênh huy động vốn chủ yếu cho cả Tổ hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên; tiếp tục hoàn chỉnh một số quy chế hoạt động trên một số lĩnh vực phù hợp với loại hình Công ty Cổ phần trong Tổ hợp mô hình Công ty mẹ - Công ty con cổ phần.

+ Đối với các dự án không thuộc chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cơ cấu một cách triệt để nhằm tập trung nguồn lực để phát triển chiến lược của Tổng Công ty.

+ Tiếp tục đầu tư tại Tổng Công ty và một số đơn vị về trang thiết bị xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây



lắp đường dây và trạm, xây dựng công trình thủy điện, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao tỷ lệ cơ giới hoá trong thi công. Phần đầu xây dựng Tổng Công ty trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống lưới điện và phát triển mạnh lĩnh vực xây lắp các công trình điện, công trình công nghiệp.

+ Tiếp tục thực hành tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Tổng Công ty; Cùng cố khối đoàn kết từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 2016.

+ Tiếp tục nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài (như liên doanh góp vốn, v.v...), sử dụng mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển đủ sức để cạnh tranh trong bối cảnh nước ta đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Quốc tế (WTO).

### Một số giải pháp

Giải pháp về công tác thu hồi vốn, điều hành và thị trường:

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm

- Xây dựng và củng cố lực lượng trèo cao, máy móc thiết bị phục vụ dựng cột kéo dây

- Thực hiện chỉ đạo thống nhất công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm trong toàn Tổng Công ty, phần đầu để các đơn vị có việc làm đồng đều và liên tục.

- Đối với các công trình/dự án cần được quan tâm năm 2016 cần:

+ Đẩy mạnh công tác nghiệm thu, công tác quyết toán công trình, thực hiện tốt công tác thu hồi vốn, nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn lưu động, phục vụ kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh đặc biệt đối với hoạt động xây lắp. Đây là công việc hết sức quan trọng, đặc biệt đối với tình hình hiện nay, thành lập tổ thu hồi vốn bao gồm các chuyên viên giỏi phối hợp với các bộ phận

chuyên môn do Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành. Đồng thời nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc.

+ Củng cố và tăng cường công tác tổ chức bộ máy quản lý, nhân sự ở văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong tổ hợp, tạo lập sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các bộ phận quản lý và sự hợp tác có hiệu quả giữa Tổng Công ty với các đơn vị thành viên cũng như giữa các thành viên trong tổ hợp Tổng Công ty;

### Giải pháp về tài chính kế toán

- Tăng cường và chú trọng chất lượng công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm trên mọi lĩnh vực XL điện, xây lắp cáp ngầm, trạm GIS, thương mại, dịch vụ... nhằm gia tăng mạnh doanh thu, lợi nhuận, cổ tức cho Tổng Công ty và cổ đông trong năm 2016 và các năm tiếp theo;

- Đẩy mạnh công tác thi công các công trình; nghiệm thu khối lượng các hạng mục công trình xây lắp đã hoàn thành; thực hiện quyết liệt việc lên phiếu giá thu hồi vốn tại các công trình này từ các chủ đầu tư;

- Tìm giải pháp giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý để có thể chuyển nhượng các dự án BĐS tại TP Hồ Chí Minh thu hồi vốn hoặc khi hoàn thành thủ tục sở hữu có thể lập phương án kinh doanh từ đó tăng hiệu quả sử dụng vốn cho phần vốn đó bỏ ra. Trước mắt tìm giải pháp thu hồi các khu đất đã có hợp đồng công chứng mua đất của Tổng công ty mà các tổ chức, cá nhân đang sử dụng;

- Quyết liệt thực hiện các phương án tái cấu trúc tài sản tại Công ty mẹ và Công ty con theo NQ HĐQT số 41 QĐ/VNECO-HĐQT ngày 01/12/2015 nhằm tăng lợi nhuận và thu hồi vốn.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu bán tài sản tại KS Xanh ĐN, Siêu thị Green mart Đà Nẵng; Cơ cấu vốn đầu tư tài chính tại một số đơn vị trong tổ hợp không mang lại hiệu quả; Thực hiện nghiên cứu đầu tư tài chính vào một số đơn vị theo định hướng phát triển trung và dài hạn của Tổng Công ty;

- Tổng Công ty cần xem xét lại các dự án, Tài sản chưa đầu tư, không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả hiện thực hóa dòng tiền để tập trung nguồn lực tài chính cho phát triển các chiến lược của Tổng Công ty,

- Ưu tiên nguồn lực tài chính để nghiên cứu đầu tư trang thiết bị, nhân lực nhằm từng bước tham gia sâu rộng vào các hoạt động xây lắp các dự án điện năng lượng tái tạo.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động của đơn vị, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.

### Giải pháp về quản lý kỹ thuật:

- Năm 2016 được xem là năm hướng về các đơn vị thành viên trong tổ hợp nên Tổng Công ty sẽ cập nhật những quy định mới để hoàn chỉnh thêm các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm, cáp ngầm, phổ biến hướng dẫn cho các đơn vị trong tổ hợp nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình mới;

- Thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần của các công trình, bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu để khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.

- Tăng cường công tác an toàn, bảo hộ lao động, tổ chức sát hạch, Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công khi thi công kéo dây vượt các đường điện trung và hạ áp... Thường xuyên kiểm tra biện pháp thi công của đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, trình tự thực hiện, biện pháp an toàn lao động...) đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rai căng dây.

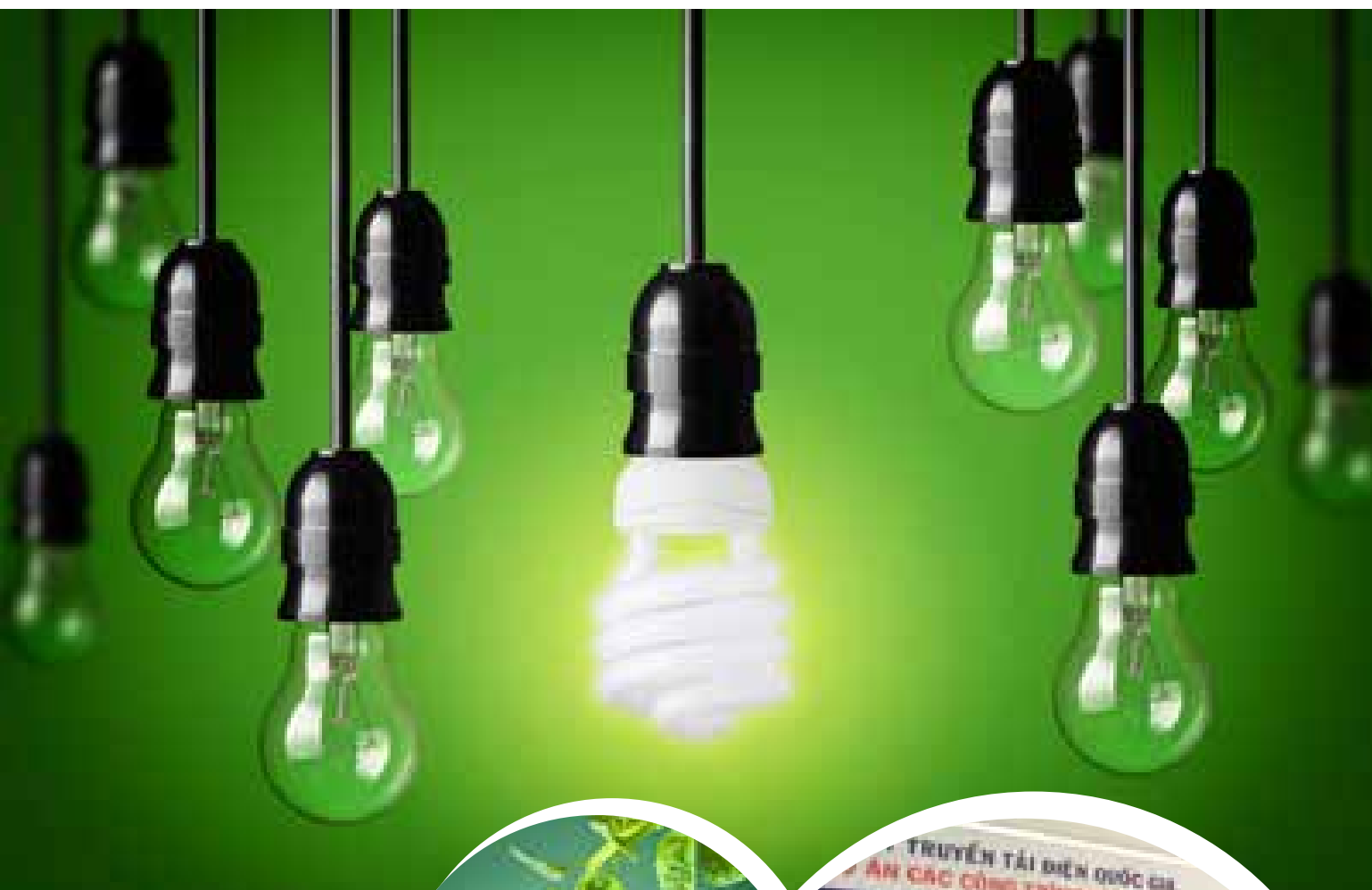
### Giải pháp về cơ chế

- Tiếp tục nghiên cứu vận dụng cơ chế quản lý, cơ chế điều hành SXKD, quản trị doanh nghiệp hiện đại (có tính đến yếu tố đặc thù) nhằm bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý điều hành hiện đang áp dụng tại Tổng Công ty, bảo đảm nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD của Tổng Công ty và toàn tổ hợp.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, đánh giá năng lực CBNV, củng cố bộ máy quản lý, nhân sự Phòng ban Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc; Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho CBCNV, kiến thức quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.

- Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi chính sách tiền lương, thang bảng lương của doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tổng Công ty và người lao động, phù hợp với Bộ luật lao động năm 2012 và các quy định của pháp luật. Có chính sách thu hút lao động giỏi, đãi ngộ cán bộ, nhân viên để kịp thời động viên khuyến khích người lao động tận tâm, tận lực ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công việc và chuẩn bị tốt nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm 2016 và những năm sau.

- Xây dựng môi trường văn hoá doanh nghiệp, dân chủ, kỷ cương, minh bạch.



**Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

Tổng Công ty duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015; hoàn thành đóng điện nhiều công trình, nâng cao năng lực thi công xây lắp các công trình điện, tăng cường công tác quản lý, đổi mới tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu quả kinh doanh; chuẩn bị tốt công việc cho năm 2016, một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015 (triệu đồng)	Thực hiện 2015 (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Tổng doanh thu và thu nhập	1.022,205	954,500	93,38
Lợi nhuận sau thuế	83,695	89,174	106,55

+ Tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, trên tất cả các công trình: Trạm biến áp 500/220KV Duyên Hải, ĐZ 500KV Duyên Hải - Mỹ Tho, ĐZ 500KV Long Phú - Ô Môn; ĐZ 220KV Duyên Hải - Mỏ Cà; ĐZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2, Trạm biến áp 220KV Kon Tum, Đường dây 500KV Sơn La - Lai Châu, Đường dây 220KV Nhiệt điện Thái Bình, ĐZ 220KV Đà Nẵng - Quận Ngũ Hành Sơn và Trạm biến áp 220KV Quận Ngũ Hành, ĐZ 220KV An Khê - Quy Nhơn, ĐZ 220KV Vũng Áng- Ba Đồn- Đồng Hới; ĐZ 220KV Vân Trì - Chèm; ĐZ220KV Sekaman - Pleiku2; Nhánh rẽ 500KV Trạm biến áp 500KV Pleiku2...

+ Triển khai các thủ tục tư vấn đầu tư các Dự án; Tiếp tục triển khai thi công và tổ chức công tác bán hàng dự án khu Đô thị mới Mỹ Thượng; triển khai thực hiện dự án Khu du lịch Xanh Lăng Cô...;

+ Triển khai thực hiện hoàn thành niêm yết bổ sung cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015 đã được ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua;

+ Thực hiện việc thoái vốn VNECO tại các đơn vị: Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 5, VNECO 6. VNECO 11, Tư vấn Xây dựng VNECO theo Phương án tái cấu trúc Công ty con, cơ cấu tài sản của Tổng Công ty năm 2015-2016;

+ Đẩy mạnh công tác thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, công tác đấu thầu chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2016;

+ Áp dụng Balanced Scorecard (BSC) về Quản trị chiến lược của Tổng Công ty trong năm 2016;

+ Việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật...

**Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành**

Ban Tổng giám đốc có 04 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc), đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc năng động, chủ động triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, trên tất cả các công trình; Triển khai kịp thời các thủ tục tư vấn đầu tư Dự án; Tiếp tục triển khai thi công và tổ chức công tác bán hàng dự án khu Đô thị mới Mỹ Thượng; triển khai thực hiện dự án Khu du lịch Xanh Lăng Cô...; Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Tổng Công ty; Thực hiện việc thoái vốn VNECO tại các đơn vị: Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An, Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 5, VNECO 6. VNECO 11, Tư vấn Xây dựng VNECO theo Phương án tái cấu trúc Công ty con, cơ cấu tài sản của Tổng Công ty năm 2015 - 2016; Đẩy mạnh công tác thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, công tác đấu thầu chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2016; thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật...

**Thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Tổng Công ty luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 71 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 72 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 74 Quản trị rủi ro



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp (bao gồm các cuộc họp định kỳ và đột xuất) với các nội dung chủ yếu như sau:

+ Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

+ Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2015, đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn về vốn, tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình; thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh quyết toán khối lượng thực hiện, thu hồi vốn nhanh nhất đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020, bổ nhiệm các chức danh quản lý Tổng Công ty; Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Kế hoạch kinh doanh năm 2015, xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2016;

Xây dựng Chiến lược phát triển Tổng Công ty từ năm 2015 - 2020 với 3 lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất, xây lắp, thương mại; Kinh doanh bất động sản - khách sạn và Hoạt động Đầu tư tài chính; Phê duyệt các Quy chế quản lý của Tổng Công ty...; phê duyệt kế hoạch triển khai các dự án đầu tư; phê duyệt Kế hoạch triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR), xây dựng quan hệ cổ đông, Kế hoạch định dạng thương hiệu VNECO;

Định hướng xây dựng các công ty con vững mạnh theo chiến lược phát triển của Tổng Công ty, định hướng hoạt động các công ty liên kết của Tổng công ty để tạo thành chuỗi giá trị liên kết và tương hỗ lẫn nhau trong tổ hợp VNECO;

Phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty con, cơ cấu tài sản năm 2015-2016; Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng; đăng ký lưu ký bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu...

+ Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, 6 tháng và năm 2015, chuẩn bị công việc cho năm 2016;

+ Đề ra kế hoạch kinh doanh hàng tháng/quý của Tổng Công ty sát thực với điều kiện, khả năng tổ chức thi công, quản lý chất lượng, yêu cầu tiến độ trên các công trình mà các đơn vị tham gia thi công đảm bảo an toàn, hiệu quả;

+ Tổ chức thực hiện tăng vốn điều lệ.

+ Tăng cường công tác quản lý phần vốn đầu tư tại các công ty thành viên:

\* Chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát vốn đầu tư của Tổng Công ty tại các đơn vị trong tổ hợp; tiến hành kiểm toán nội

bộ tại các đơn vị: VNECO 3, VNECO 4, VNECO 8, VNECO MÉCA. Thông qua công tác kiểm toán đánh giá đúng thực trạng tình hình kinh doanh, tình hình tài chính tại các đơn vị và đề xuất một số vấn đề giúp đơn vị nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động kinh doanh.

\* Chỉ đạo cán bộ đại diện phần vốn VNECO thực hiện tốt Quy chế Người đại diện; thông qua Người đại diện tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD tại đơn vị thành viên nhằm thực hiện tốt nhất mục tiêu các công trình, dự án mà Tổng Công ty đề ra;

+ Chỉ đạo, củng cố nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, CNV lao động với định hướng trách nhiệm, kỹ năng, chuyên nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng công việc, quản lý lao động hiệu quả;

+ Đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ khác của HĐQT theo thẩm quyền quy định của Điều lệ và Pháp luật.

- Về thủ tục tổ chức cuộc họp HĐQT: Việc tổ chức cuộc họp HĐQT Tổng Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Tổng Công ty và quy định của Pháp luật. Nhìn chung các nghị quyết, quyết định trong quản lý, chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh đều được đưa ra để các thành viên HĐQT bàn bạc công khai, biểu quyết và đạt được sự đồng thuận cao trước khi triển khai thực hiện. Các chủ trương, quyết nghị của HĐQT trong hoạt động kinh doanh sau khi triển khai đã được xem xét, đánh giá hiệu quả thực hiện. Các thành viên HĐQT đã phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia trong công tác quản lý, phối hợp, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoặc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT là những người có uy tín, trình độ, năng lực và tư duy trong quản lý và điều hành hoạt động của Tổng Công ty; tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, các quy chế của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động trong công việc được phân công, phát huy tinh thần trách nhiệm, nỗ lực cao quản lý, phối hợp, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

### Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

\* Đặng Trọng Ngôn - Chủ tịch HĐQT;

\* Đoàn Đức Hồng - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

\* Nguyễn Tịnh - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

\* Phan Anh Quang - Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm của mình trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các hoạt động và các kết luận của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

- Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.

- Đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty, ban điều hành và bộ máy giúp việc, không gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.

- Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế.

- Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Tổng Công ty và các Cổ đông.

- Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích.

- Mẫn cán và trung thực.

- Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp:

- Cuộc họp đầu tiên vào thời điểm ngày 04/6/2015. Ban kiểm soát đã bầu Trưởng Ban kiểm soát.

- Cuộc họp thứ hai vào thời điểm 20/6/2015. Trưởng Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát.

- Cuộc họp thứ ba vào thời điểm 26/11/2015. Ban kiểm soát đã triển khai công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ 30/9/2015 của Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

### Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc

- Về cơ bản HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý kinh tế, hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Năm 2015 HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc điều hành kinh doanh, xúc tiến đầu tư các dự án theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và đã ban hành được các quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế người đại diện phần vốn VNECO tại doanh nghiệp có vốn góp của VNECO, Quy chế hoạt động điều hành của Tổng giám đốc Tổng công ty, Quy chế Tài chính của Tổng Công ty, Quy chế Tiền lương của Tổng công ty. Việc HĐQT tổ chức họp tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành

### Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

TT	Họ tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>		-	<b>427.250.000</b>	-	<b>427.250.000</b>	
1	Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch HĐQT		58.000.000		58.000.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
2	Đoàn Đức Hồng	Thành viên HĐQT		74.250.000		74.250.000	Miễn nhiệm chủ tịch ngày 25/05/2015; Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 25/05/2015
3	Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT		36.250.000		36.250.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
4	Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT		60.000.000		60.000.000	
5	Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT		36.250.000		36.250.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015

6	Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT		36.250.000		36.250.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
7	Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT		36.250.000		36.250.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
8	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
9	Nguyễn Thành Đồng	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
10	Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
11	Thái Văn Chấn	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
12	Phan Tất Trung	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
13	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên HĐQT		15.000.000		15.000.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm Soát</b>			<b>138.000.000</b>	<b>95.750.000</b>	<b>233.750.000</b>	
1	Đào Hữu Chuộng	Trưởng BKS		23.750.000		23.750.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
2	Lê Thanh Nhã	Thành viên BKS		14.250.000		14.250.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
3	Thái Thị Thùy Trang	Thành viên BKS		14.250.000		14.250.000	Miễn nhiệm ngày 25/05/2015
4	Lê Chí Dũng	Trưởng BKS	138.000.000		-	138.000.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 (Chuyên trách)
5	Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS		21.750.000		21.750.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
6	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên BKS		21.750.000		21.750.000	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>2.931.260.000</b>	<b>-</b>	<b>3.250.731.000</b>	
1	Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	746.804.000		84.943.000	831.747.000	
2	Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	496.160.000		59.252.000	555.412.000	
3	Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	496.160.000		59.252.000	555.412.000	
4	Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc	223.080.000		-	223.080.000	Nghỉ hưu ngày 01/07/2015
5	Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	496.160.000		59.252.000	555.412.000	
6	Phan Anh Quang	Kê toán trưởng	472.896.000		56.772.000	529.668.000	
	Tổng cộng		3.069.260.000	523.000.000	319.471.000	3.911.731.000	

VNECO hoạt động đa ngành, đa dịch vụ, đa lĩnh vực trên nhiều địa bàn khác nhau. Vì vậy có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực. Trong quá trình phát triển Tổng công ty đã xác định các loại rủi ro chính và chú trọng công tác quản trị rủi ro cụ thể như sau:

### 1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Tổng Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Tổng Công ty xây lắp điện Việt Nam, cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

#### 1.1 Rủi ro từ tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự phục hồi trong nền kinh tế không đồng đều và chưa lan tỏa đến tất cả mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp xuất khẩu với sản lượng chiếm đa số là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thể hiện sự phục hồi nhanh hơn nhờ bối cảnh tăng trưởng khả quan trở lại từ các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, EU, Nhật Bản. Đáng chú ý là dòng vốn FDI tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam trong những năm gần đây (chiếm khoảng 70% tổng vốn đăng ký) và ảnh hưởng từ nhóm doanh nghiệp FDI đối với tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam ngày một gia tăng. Trong khi đó, các doanh nghiệp trong nước vẫn đang gặp nhiều khó khăn.

#### 1.2. Rủi ro từ biến động lãi suất

Mặt bằng lãi suất hiện tại đã thấp hơn giai đoạn 2005 – 2006 và cũng đã phản ánh tương đối phù hợp với diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt là lạm phát, áp lực tỷ giá và thanh khoản hệ thống ngân hàng. Chúng tôi cho rằng trong nửa đầu năm 2015, mặt bằng lãi suất nhiều khả năng sẽ duy trì ổn định hoặc có thể giảm đôi chút, nhưng dư địa giảm, nếu có, cũng rất ít. Trong nửa cuối năm 2015, sức ép từ việc đồng USD mạnh lên sẽ tạo áp lực đáng kể lên lãi suất tiền đồng. Nhà điều hành sẽ phải cân nhắc giữa tỷ giá và lãi suất nhưng có lẽ việc tăng lãi suất sẽ là biện pháp cuối cùng khi nền kinh tế vẫn đang cần các biện pháp nói lỏng và kích thích để hỗ trợ đà phục hồi.

#### 1.3. Rủi ro từ biến động lạm phát

Trong bối cảnh sức cầu trong nước dự báo sẽ duy trì đà phục hồi tương đối yếu kết hợp với việc giá dầu thô thế giới nhiều khả năng sẽ duy trì ở mức thấp trong một thời gian tương đối nữa, xu hướng giảm của lạm phát theo

cùng kỳ nhiều khả năng sẽ còn tiếp diễn trong những tháng đầu năm 2015. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2015 sẽ vẫn ở mức khá thấp, khoảng 1,5% - 1,6% (yoy). Trong giai đoạn nửa cuối 2015, xu hướng tăng của lạm phát theo cùng kỳ nhiều khả năng sẽ tiếp tục được duy trì dựa trên một số cơ sở chính: (1) dự báo giá dầu thô có thể ghi nhận sự phục hồi nhất định kéo việc theo điều chỉnh tăng trở lại của giá xăng dầu trong nước, (2) sức cầu có cải thiện tốt hơn về cuối năm theo yếu tố mùa vụ và (3) giá các mặt hàng thiết yếu do nhà nước quản lý như Y tế, Giáo dục, Điện, ... sẽ tiếp tục tăng theo lộ trình. Tỷ lệ lạm phát năm 2015 được dự báo vào khoảng 3,5% - 3,7%.

#### 1.4. Rủi ro từ biến động tỷ giá

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Tổng Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt Nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Là một Tổng Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, và là một doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, Tổng Công ty chịu sự chi phối của hệ thống luật Việt Nam, cụ thể là:

- Chính sách ưu đãi đầu tư;
- Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện;
- Luật Xây dựng và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng.
- Luật Lao động, luật Dân sự, luật đất đai và các hướng dẫn thi hành luật .

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (kể từ tháng 11/2007) hiện đang tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc thực thi pháp luật chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

### 3. Rủi ro đặc thù ngành

#### 3.1 Rủi ro thanh toán

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Tổng Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

#### 3.2 Rủi ro về nguồn nhân lực

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Tổng Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Tổng Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Tổng Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

#### 3.3 Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Sắt thép, kẽm và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất cột thép và xây lắp các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Tổng Công ty.

#### 3.4 Rủi ro thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây lắp điện phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế. Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp xây lắp điện hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước. Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên nâng cao

sức cạnh tranh của mình bằng việc đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động thi công xây lắp, giữ uy tín với khách hàng bằng chất lượng các công trình do mình triển khai thi công.

### 4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Hiện nay Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với công ty và thị trường chứng khoán ...

### 5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.



**THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:**

Trong năm 2015, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam thực hiện tăng vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ trước khi tăng: 637.210.610.000 đồng
- Vốn điều lệ phát hành thêm: 186.364.440.000 đồng, trong đó:
  - + Vốn điều lệ phát hành thêm do chào bán cổ phiếu ra công chúng là: 124.243.270.000 đồng
  - + Vốn điều lệ phát hành thêm do chia cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu là: 62.121.170.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 823.575.050.000 đồng.

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Tại ngày 04/12/2015, thời điểm chốt danh sách cổ đông sau phát hành trả cổ tức năm 2014 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2015 để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau

- Cổ phiếu ngân quỹ 15.989.200.000 đồng tương đương với 1,94% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- Cổ đông khác góp 807.585.850.000 đồng tương đương với 98,06% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- Cổ đông là tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ: 86,47% vốn điều lệ, trong đó cổ đông lớn nắm giữ 35,79% vốn điều lệ.
- Cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ: 11,59% vốn điều lệ, trong đó cổ đông lớn nắm giữ 8,76% vốn điều lệ.



**CỔ ĐÔNG LỚN**

STT	Tên cổ đông	Giấy CNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công Ty Cổ Phần Khải Toàn	Số 3600720661, cấp ngày 14/3/2005	Lô số 33, Khu Công Nghiệp Tam Phước, Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	14.224.737	17,27
2	Công ty Cổ phần Bảo Phước	Số 401378222, cấp ngày 13/9/2010	KDC An Cư 5, P. Tân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	8.753.683	10,63
3	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Số 09/GCNTVLK, cấp ngày 07/7/2006	Tầng 17, Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	6.500.006	7,89
4	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	7.211.841	8,76
<b>Tổng cộng</b>		<b>29.447.576</b>	<b>7.242.691</b>	<b>36.690.267</b>	<b>44,55</b>



## CÁC THÔNG TIN KHÁC

80 Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

81 Hoạt động xã hội





## BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Hoạt động bảo vệ môi trường

Ngay từ khi thành lập, VNECO đã nhận thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Điều này được cam kết bằng những nỗ lực không ngừng bảo vệ nguồn tài nguyên, hành động có trách nhiệm với môi trường và chăm lo cho đời sống của CBCNV cũng như cộng đồng.

Năm 2015, đi đôi với các hoạt động sản xuất tiêu biểu của Tổng công ty như: Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp, đầu tư các dự án bất động sản, kinh doanh khách sạn... là các hoạt động bảo vệ môi trường. Tổng công ty đã xác định “thành công hướng tới hình ảnh của một doanh nghiệp thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng”. Do vậy, VNECO luôn tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

### Cùng nhau phát triển

Cùng nhau phát triển và phát triển bền vững là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của VNECO. Dựa trên niềm tin bền vững của các nhà đầu tư, đối tác và CBCNV trong Tổng công ty cùng sự minh bạch, chuẩn mực của VNECO trong suốt những năm qua, VNECO đã tạo dựng được uy tín, sự hợp tác có hiệu quả giữa các bên liên quan

#### + Đối với Nhà đầu tư

VNECO luôn gắn kết các Nhà đầu tư thông qua việc minh bạch hóa thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua các kênh truyền thông, báo chí, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông tin trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: vneco.com.vn, website của Sở giao dịch chứng khoán và các kênh truyền thông khác. Đồng thời, Ban lãnh đạo VNECO cũng trao đổi, lắng nghe ý kiến của các cổ đông, các nhà đầu tư thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, hội nghị nhà đầu tư... để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển của VNECO.

#### + Nhân viên

Trong suốt hơn 24 năm hoạt động, VNECO luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố nền tảng để tạo nên sự thành công cho Tổng công ty. Năm 2015, Tổng công ty tập trung đào tạo các nội dung sau:

- Đào tạo về chính sách thuế mới và chế độ kế toán doanh

nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC: 60 người

- Đào tạo quản trị công ty: 03 người

- Đào tạo Anh văn giao tiếp cho số CBCNV kỹ thuật thi công cấp ngầm: 15 người

- Đào tạo các quy định về pháp luật lao động: 05 người

- Đào tạo Kỹ thuật an toàn: 25 người

- Đào tạo chỉ huy trường công trình: 05 người

Bên cạnh đó, công tác đảm bảo quyền lợi và an toàn lao động cũng được VNECO đặc biệt chú trọng.

Trong năm 2015, VNECO đã thực hiện xuất sắc các hoạt động như:

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý theo tiêu chuẩn Nhà nước

- Ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại công trường

- Nâng cao ý thức về an toàn lao động cho tất cả nhân viên trong công ty, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần như thăm hỏi ốm đau, gia đình hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các hoạt động văn hóa, xây dựng chính sách lương thưởng công bằng....

#### + Khách hàng, Đối tác

Trong năm 2015, VNECO đã tích cực tìm kiếm các đối tác tiềm năng thông qua hợp đồng ký kết hợp tác hoặc các chương trình hội thảo chuyên giao công nghệ. Với mục tiêu phát triển bền vững, trong những năm tiếp theo VNECO vẫn đầu tư đầy mạnh phát triển ngành điện, du lịch- khách sạn và bất động sản. Ký kết hợp tác, trở thành đối tác chiến lược của Ankura về cấp ngầm tại Việt Nam, ký kết hợp đồng nhập thiết bị với Mitsubishi Corporation, Furukawa và Fujikur, Alstom là bước tiến quan trọng trong sự phát triển lâu dài của Tổng công ty, tạo dựng thành công cho dự án.



## HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

### 730 triệu đồng cho hoạt động vì cộng đồng

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho CBCNV, VNECO luôn coi trọng trách nhiệm cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của xã hội. Trong suốt những năm qua, các chương trình an sinh xã hội và tài trợ đã trở thành hoạt động thường xuyên của VNECO. Trong năm 2015, VNECO tập trung vào các hoạt động như: đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xã hội của Công Đoàn, quỹ trợ cấp khó khăn, quỹ mái ấm Công Đoàn, phụ dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng... Tổng số tiền cho hoạt động xã hội năm 2015 là: 730 triệu đồng.



Đà Nẵng, ngày 19/4/2016

TM HĐQT/ Chủ tịch



ĐẶNG TRỌNG NGÔN



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 84 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 86 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 87 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 89 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 90 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 91 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty")** đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	
Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Tất Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Thái Văn Chấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/07/2015)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng
Ban Kiểm soát	
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên
<b>Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty</b>	
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

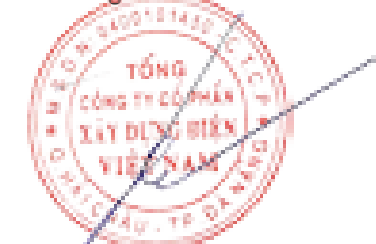
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Ngày 28 tháng 03 năm 2016

**Tổng Giám Đốc**



**ĐOÀN ĐỨC HỒNG**

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Kiểm toán viên  
(đã ký)

Phó Tổng Giám Đốc  
(đã ký)

Trần Thiện Thanh

Nguyễn Nam Cường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2335-2013-072-01

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	1/1/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.086.704.337.081</b>	<b>913.473.537.301</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>109.511.515.958</b>	<b>241.697.097.103</b>
1. Tiền	111		109.511.515.958	234.697.097.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>151.077.182.511</b>	<b>19.117.131.353</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3a	60.128.920.513	13.121.612.992
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3a	(5.771.738.002)	(5.784.831.750)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3b	96.720.000.000	11.780.350.111
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>755.371.391.665</b>	<b>568.145.638.364</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	344.559.107.185	199.849.321.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	161.945.550.652	165.675.950.286
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		220.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	339.480.911.936	309.819.687.614
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(91.266.303.080)	(107.320.141.436)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		432.124.972	120.820.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>63.491.109.368</b>	<b>80.500.696.414</b>
1. Hàng tồn kho	141		63.712.731.521	80.602.781.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(221.622.153)	(102.085.256)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.253.137.579</b>	<b>4.012.974.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	4.657.406.595	1.707.742.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.566.668.071	2.276.257.797
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		29.062.913	28.973.844
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>784.776.807.776</b>	<b>703.718.418.060</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>688.169.765</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	879.003.570	-
2. Phải thu dài hạn khác	216			8.000.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(190.833.805)	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.687.827.365</b>	<b>190.822.050.778</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	155.535.141.814	166.740.762.606
- Nguyên giá	222		271.457.404.263	290.934.208.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.922.262.449)	(124.193.446.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	25.152.685.551	24.081.288.172
- Nguyên giá	228		25.826.372.646	24.740.597.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(673.687.095)	(659.309.036)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	1/1/2015
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>164.890.971.864</b>	<b>165.524.197.448</b>
- Nguyên giá	231		167.931.157.614	167.931.157.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.040.185.750)	(2.406.960.166)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>355.015.172.586</b>	<b>250.640.553.141</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	355.015.172.586	250.640.553.141
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>67.023.453.702</b>	<b>68.651.645.447</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	20.929.451.027	22.170.887.572
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	47.978.685.637	48.541.201.110
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.884.682.962)	(2.060.443.235)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.471.212.494</b>	<b>20.079.971.246</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	16.090.158.028	19.082.445.952
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		381.054.466	997.525.294
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.871.481.144.857</b>	<b>1.617.191.955.361</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	1/1/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>850.857.699.764</b>	<b>809.010.870.813</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>845.041.847.012</b>	<b>613.912.072.941</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	141.758.369.675	154.027.079.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.032.866.103	35.239.840.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.096.651.524	22.575.136.532
4. Phải trả người lao động	314		19.350.954.601	27.362.346.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	130.435.910.323	81.748.555.014
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	21.501.246.186	27.338.337.931
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	433.922.197.622	256.144.121.349
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.937.252.934	7.724.909.770
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.006.398.044	1.751.744.780
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.815.852.752</b>	<b>195.098.797.872</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	340.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	5.815.852.752	194.758.797.872
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.020.623.445.093</b>	<b>808.181.084.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>1.020.623.445.093</b>	<b>808.181.084.548</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		823.575.050.000	637.210.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		823.575.050.000	637.210.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.529.967.267	2.732.367.267
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.665.281.617	2.627.092.916
4. Cổ phiếu quỹ	415		(32.266.438.147)	(31.963.638.147)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.985.830.674	16.985.830.674
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.248.296	26.248.296
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.624.803.178	134.063.450.395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.022.597.289	45.071.645.112
- LNST chưa phân phối năm này	421b		96.602.205.889	88.991.805.283
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.482.702.208	46.499.123.147
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.871.481.144.857</b>	<b>1.617.191.955.361</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

TRẦN QUANG CÀN

PHAN ANH QUANG

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1.043.584.739.816	1.034.933.001.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	32.890.909	114.663.643
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.043.551.848.907	1.034.818.337.670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	875.402.056.559	721.518.390.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.149.792.348	313.299.946.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.615.211.593	16.961.342.800
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.427.860.270	75.482.710.374
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.494.054.649	54.513.936.385
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.276.773.471	6.117.188.294
9. Chi phí bán hàng	25		2.178.274.458	2.797.966.981
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		64.042.174.746	83.511.697.236
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.393.467.938	174.586.103.385
12. Thu nhập khác	31	VI.5	29.878.096.079	8.003.231.235
13. Chi phí khác	32	VI.6	8.320.027.310	60.317.189.976
14. Lợi nhuận khác	40		21.558.068.769	(52.313.958.741)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		128.951.536.707	122.272.144.644
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		29.202.973.018	12.529.769.678
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(381.054.466)	16.676.961.070
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.129.618.155	93.065.413.896
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		96.602.205.889	88.991.805.283
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.527.412.266	4.073.608.613
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.327	1.282
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

TRẦN QUANG CÀN

PHAN ANH QUANG

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	128.951.536.707	122.272.144.644
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.545.957.866	11.439.568.298
Các khoản dự phòng	03	(15.932.321.675)	16.530.701.170
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.548.239)	(15.449)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.976.733.202)	(17.252.760.035)
Chi phí lãi vay	06	30.494.054.649	54.513.936.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	126.072.946.106	187.503.575.013
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(98.084.575.088)	(8.707.349.840)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	16.890.050.149	25.378.398.562
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	(9.572.115.297)	43.364.627.876
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	42.623.755	2.975.444.451
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(47.007.307.521)	
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.195.500.325)	(63.547.705.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.075.328.943)	(7.636.329.855)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	616.470.828	20.052.194.332
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.017.397.053)	(22.628.863.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76.330.133.389)	176.753.991.191
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(108.580.618.864)	(32.857.581.046)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	665.948.435	7.010.343.765
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(210.300.331.209)	(476.061.660)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	118.420.998.926	5.685.160.174
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	32.390.068.000	164.213.208.700
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.664.167.464	4.383.660.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(164.739.767.248)	147.958.730.924

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	124.243.270.000	-
2. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(302.800.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	513.385.328.118	934.988.227.296
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(524.550.196.965)	(1.101.181.225.555)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.900.829.900)	(15.375.806.906)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>108.874.771.253</b>	<b>(181.568.805.165)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(132.195.129.384)	143.143.916.950
Tiền đầu năm	60	241.697.097.103	98.553.164.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.548.239	15.449
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>109.511.515.958</b>	<b>241.697.097.103</b>

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN QUANG CÀN

PHAN ANH QUANG

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 0400101450 (thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 12 năm 2015) thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 3203000819 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Tổng Công ty có tổng số vốn điều lệ là 637.210.610.000 đồng và trụ sở chính tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cấp ngầm cấp điện áp đến 220KV;

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;

- Dịch vụ tắm hơi, massage;

- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái; Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;

- Sàn giao dịch bất động sản (trừ đấu giá bất động sản); Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;

- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;

- Khảo sát, đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình;

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;

- Vận tải hành khách ven biển;

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các loại sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng;

- Bán buôn các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn thiết bị vệ sinh;

- Kinh doanh xăng dầu;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây truyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;

- Đầu tư tài chính;

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí;

- Kinh doanh, sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

- Bán buôn, lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;

- Bán buôn bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán buôn các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm;

- Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1. Khách sạn xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
2. Sàn Giao dịch bất động sản VNECO	Số 02 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Công ty con	Địa chỉ
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3	Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MẾCA-VNECO	R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO	Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
7. Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, Số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty liên kết	Địa chỉ
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2	Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7	Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10	Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu là 18.636.444 cổ phiếu và mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đầu tư vốn và thoái vốn tại Công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

Công ty	Vốn đầu tư VND
Đầu tư vào công ty con	
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	1.020.000.000
Thoái vốn tại các công ty con	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng VNECO	5.102.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An	13.885.939.500
Thoái vốn tại các công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 6	10.636.550.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 11	9.560.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và

các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 07 (bảy) công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp	6.985.720.000	52,93%	52,93%
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Số 197, đường Nguyễn Trùng Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh	Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...	5.192.580.000	54,73%	54,73%
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện	9.746.980.000	55,93%	55,93%
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp	7.887.000.000	65,73%	65,73%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA-VNECO	R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu xây dựng	63.100.000.000	70,05%	70,05%
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn	58.913.000.000	98,35%	98,35%
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, Số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, Quản lý các dự án đầu tư	1.020.000.000	51%	51%

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ

đồng không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế

phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản khác	03 - 10

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao và tài sản trên đất nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư là tài sản trên đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

### Các khoản dự phòng phải trả

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### Trái phiếu phát hành

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi

phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.206.229.372	3.457.675.724
Tiền gửi ngân hàng	107.305.286.586	231.239.421.379
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.511.515.958</b>	<b>241.697.097.103</b>

#### 2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
BQLDA các công trình Điện Miền Trung	67.108.362.726	40.270.133.789
Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á	64.734.527.764	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hồ XuânVNECO	47.235.359.333	4.956.595.278
BQLDA Phát triển Điện lực miền Bắc	37.660.157.388	-
BQLDA Các công trình Điện Miền Bắc	36.998.052.940	33.762.761.531
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	21.502.667.587	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất và	10.000.000.000	10.000.000.000
BQLDA Các công trình Điện Miền Nam	7.529.673.155	32.559.512.087
Công ty TNHH MTV Xây dựng điện 2	1.456.862.139	1.513.347.067
Công ty TNHH Hùng Quý	-	19.318.592.236
Công ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	22.008.559.073
Các đối tượng khác	50.333.444.153	35.459.820.839
<b>Cộng</b>	<b>344.559.107.185</b>	<b>199.849.321.900</b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 5	381.667.609	-
Ban quản lý Dự án Thủy điện 7	221.445.402	-
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 4	275.890.559	-
<b>Cộng</b>	<b>879.003.570</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

#### a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phần	31/12/2015		01/01/2015	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
LAF	-	-	-	2.635.146.800	1.422.600.000
SDP	32.700	782.351.220	143.880.000	782.351.220	356.430.000
VFR	130.000	3.947.111.800	2.002.000.000	3.947.111.800	2.327.000.000
LCG	309.000	5.278.706.200	2.163.000.000	5.278.706.200	2.811.900.000
VE9	282	3.011.852	2.008.800	37.372.861	68.644.800
DPM	5.000	213.445.730	148.500.000	213.445.730	154.000.000
GEX	2.800.000	49.634.340.000	63.280.000.000	-	-
SSM	30.000	269.953.711	411.000.000	227.478.381	313.750.000
<b>Cộng</b>		<b>60.128.920.513</b>	<b>68.150.388.800</b>	<b>13.121.612.992</b>	<b>7.454.324.800</b>

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	96.720.000.000	96.720.000.000	11.780.350.111	11.780.350.111
<b>Cộng</b>	<b>96.720.000.000</b>	<b>96.720.000.000</b>	<b>11.780.350.111</b>	<b>11.780.350.111</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	50.728.000.000	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	22.793.022.727	22.793.022.727
Công ty CP Điện Tự Động Nam Thịnh	1.888.882.240	1.839.732.996
Công ty CP Tư Vấn & Xây Dựng VNECO	8.616.499.178	3.936.602.780
Các khoản trả trước cho người bán khác	12.919.146.507	18.120.031.247
<b>b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	3.258.560.536
<b>Cộng</b>	<b>161.945.550.652</b>	<b>165.675.950.286</b>

### 5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu người lao động	-	1.638.531.447
- Kinh phí đền bù thi công	4.155.968.823	1.763.507.240
- Dự án 293 Nguyễn Văn Trỗi, HCM	205.340.573.879	205.340.573.879
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	23.205.537.177	183.187.950
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	3.921.694.029	4.580.110.003
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	10.576.527.838	878.366.483
- Tạm ứng	25.622.311.134	33.240.373.190
- Ký cược, ký quỹ	8.443.806.993	374.020.006
- Phải thu các đối tượng khác	58.214.492.063	61.821.017.416
<b>Cộng</b>	<b>339.480.911.936</b>	<b>309.819.687.614</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Ký cược dài hạn tiền đặt cọc cam kết tiến độ triển khai Dự án Khu DL xanh Lăng Cô	-	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>
<b>c. Phải thu khác các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	18.624.942.293
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
<b>Cộng</b>	<b>4.886.264.225</b>	<b>19.855.568.574</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 6. NỢ XẤU

Đối tượng nợ	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 3	112.283.618	-	112.283.618	-
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.167.570	-	170.167.570	-
Ban A - Hàm Thuận Đa Mỹ	570.974.554	-	570.974.554	-
Các đối tượng khác	69.245.115	-	69.245.115	-
<b>Trả trước cho người bán</b>				
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
VP Tư vấn & CGCN ĐHKH Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Các đối tượng khác	221.031.500	-	221.031.500	-
<b>Phải thu khác</b>				
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân (*)	182.520.858.333	145.000.000.000	182.520.858.333	145.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	22.819.715.546	-	22.819.715.546	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.493.124.447	32.796.916	2.493.124.447	2.493.124.447
Các đối tượng khác	23.415.323.212	-	42.086.263.719	-
<b>Cộng</b>	<b>351.675.686.790</b>	<b>260.760.796.916</b>	<b>370.346.627.297</b>	<b>263.221.124.447</b>

(\*) Các khoản ứng tiền trước cho người bán và phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm toán, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất, tuy nhiên Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu từ các đối tượng phải thu trên sang thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tạm ứng	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Huỳnh Anh Đức	109.623.449	-	-	-
Phan Đình Hùng	99.500.000	-	99.500.000	-
Các đối tượng khác	142.289.757	-	57.274.620	-
<b>Cộng</b>	<b>351.413.206</b>	<b>-</b>	<b>156.774.620</b>	<b>-</b>

### 7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.796.636.480	(33.762.087)	25.191.255.537	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	1.826.825.678	(1.878.552)	1.503.123.866	(1.878.552)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.862.275.655	-	44.906.319.066	-
Thành phẩm nhập kho	9.538.848.111	(185.981.514)	8.499.455.626	(66.444.617)
Hàng hoá	330.430.079	-	463.015.740	-
Hàng gửi bán	357.715.518	-	39.611.835	-
<b>Cộng</b>	<b>63.712.731.521</b>	<b>(221.622.153)</b>	<b>80.602.781.670</b>	<b>(102.085.256)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>194.362.183.087</b>	<b>58.802.004.723</b>	<b>29.956.272.266</b>	<b>7.813.748.915</b>	<b>290.934.208.991</b>
Mua trong năm	3.588.370.000	3.070.049.274	9.042.958.937	42.439.091	15.743.817.302
Đầu tư XDCB hoàn thành	635.027.954	76.818.182	-	-	711.846.136
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.208.000)	(3.744.344.340)	(92.458.488)	(3.895.010.828)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(26.985.389.009)	(3.675.864.620)	(1.209.099.813)	(167.103.896)	(32.037.457.338)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>171.600.192.032</b>	<b>58.214.799.559</b>	<b>34.045.787.050</b>	<b>7.596.625.622</b>	<b>271.457.404.263</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>53.027.001.502</b>	<b>41.920.768.294</b>	<b>23.895.649.892</b>	<b>5.350.026.697</b>	<b>124.193.446.385</b>
Khấu hao trong năm	5.675.413.828	3.121.590.235	1.578.346.693	523.003.467	10.898.354.223
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.208.000)	(3.628.420.521)	(67.955.384)	(3.754.583.905)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(11.226.174.299)	(2.842.740.555)	(1.209.099.813)	(136.939.587)	(15.414.954.254)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>47.476.241.031</b>	<b>42.141.409.974</b>	<b>20.636.476.251</b>	<b>5.668.135.193</b>	<b>115.922.262.449</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>141.335.181.585</b>	<b>16.881.236.429</b>	<b>6.060.622.374</b>	<b>2.463.722.218</b>	<b>166.740.762.606</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>124.123.951.001</b>	<b>16.073.389.585</b>	<b>13.409.310.799</b>	<b>1.928.490.429</b>	<b>155.535.141.814</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2015	24.056.210.348	50.086.320	634.300.540	24.740.597.208
Mua trong năm	1.529.775.438	-	60.000.000	1.589.775.438
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(504.000.000)	-	-	(504.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>25.081.985.786</b>	<b>50.086.320</b>	<b>694.300.540</b>	<b>25.826.372.646</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2015	-	50.086.320	609.222.716	659.309.036
Khấu hao trong năm	-	-	14.378.059	14.378.059
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>-</b>	<b>50.086.320</b>	<b>623.600.775</b>	<b>673.687.095</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2015	<b>24.056.210.348</b>	<b>-</b>	<b>25.077.824</b>	<b>24.081.288.172</b>
Tại 31/12/2015	<b>25.081.985.786</b>	<b>-</b>	<b>70.699.765</b>	<b>25.152.685.551</b>

### 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2015	13.682.880.148	56.303.942.600	97.944.334.866	167.931.157.614
Tại 31/12/2015	13.682.880.148	56.303.942.600	97.944.334.866	167.931.157.614
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2015	2.406.960.166	-	-	2.406.960.166
Khấu hao trong năm	633.225.584	-	-	633.225.584
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>3.040.185.750</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.040.185.750</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2015	<b>11.275.919.982</b>	<b>56.303.942.600</b>	<b>97.944.334.866</b>	<b>165.524.197.448</b>
Tại 31/12/2015	<b>10.642.694.398</b>	<b>56.303.942.600</b>	<b>97.944.334.866</b>	<b>164.890.971.864</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Dự án Đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	230.458.296.504	179.824.611.242
- Dự án Siêu thị GREEN MARK - Đà Nẵng	58.251.508.757	58.087.708.757
- Dự án Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô	14.064.683.024	10.971.564.842
- Dự án đầu tư trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty tại 344 Phan Châu Trinh - Đà Nẵng	208.166.345	-
- Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn VNECO Sơn Trà	50.910.877.610	-
- Các công trình khác	1.121.640.346	1.756.668.300
<b>Cộng</b>	<b>355.015.172.586</b>	<b>250.640.553.141</b>

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.657.406.595	1.707.742.426
<b>Cộng</b>	<b>4.657.406.595</b>	<b>1.707.742.426</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	16.053.658.028	15.793.577.304
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	58.063.416
- Chi phí trả trước dài hạn khác	36.500.000	3.230.805.232
<b>Cộng</b>	<b>16.090.158.028</b>	<b>19.082.445.952</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854.100.000	679.075	5.854.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 5	-	-	413.100	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6	-	-	1.063.655	10.636.550.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560.000.000	956.000	9.560.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11	-	-	1.668.205	16.682.050.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	-	2.515.351.027	-	(27.611.812.428)
<b>Cộng</b>		<b>20.929.451.027</b>		<b>22.170.887.572</b>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	36,49%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Gia Lai	31,16%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
5	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	84.490	758.179.800	675.920.000	(82.259.800)	84.490	758.179.800	337.960.000	(420.219.800)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO	198.240	1.982.484.527	1.486.800.000	(495.684.527)	230.180	2.545.000.000	3.867.024.000	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép	277.904	5.114.023.435	3.807.284.800	(1.306.738.635)	277.904	5.114.023.435	3.473.800.000	(1.640.223.435)
VNECO.SSM								
Công ty CP Sông Ba	603.793	5.608.476.403	5.856.792.100	-	603.793	5.608.476.403	6.641.723.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chò	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>47.978.685.637</b>	<b>46.342.318.372</b>	<b>(1.884.682.962)</b>		<b>48.541.201.110</b>	<b>48.836.028.472</b>	<b>(2.060.443.235)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn - không thuộc các bên liên quan</b>				
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	4.328.034.206	4.328.034.206	18.794.678.389	18.794.678.389
Công ty TNHH Về Nguồn	1.582.736.569	1.582.736.569	-	-
Công ty CP Xây dựng Điện Thái Nam Phát	3.469.725.648	3.469.725.648	3.619.076.940	3.619.076.940
Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Sao Vàng	7.700.977.779	7.700.977.779	5.319.427.562	5.319.427.562
Hợp Tác Xã Xuân Long	-	-	8.573.487.087	8.573.487.087
Phải trả cho các đối tượng khác	61.018.069.534	61.018.069.534	87.756.568.624	87.756.568.624
<b>b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</b>				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	41.478.851.295	18.379.785.532	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	4.022.248.558	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.157.726.086	18.157.726.086	11.584.055.762	11.584.055.762
<b>Cộng</b>	<b>141.758.369.675</b>	<b>141.758.369.675</b>	<b>154.027.079.896</b>	<b>154.027.079.896</b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2015
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.358.653.777	28.181.332.653	30.702.981.100	6.880.302.224
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.724.155	144.728.124	146.041.137	11.037.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.547.031.612	29.202.973.018	26.075.328.943	11.419.387.537
Thuế thu nhập cá nhân	126.648.550	867.718.264	764.698.762	23.629.048
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	26.915.760	4.464.507.676	8.301.791.250	3.864.199.334
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.677.670	366.169.404	715.072.955	376.581.221
<b>Cộng</b>	<b>19.096.651.524</b>	<b>63.227.429.139</b>	<b>66.705.914.147</b>	<b>22.575.136.532</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	127.704.485.177	71.416.955.862
Chi phí lãi vay	299.956.740	1.001.402.416
Chi phí phải trả khác	2.431.468.406	9.330.196.736
<b>Cộng</b>	<b>130.435.910.323</b>	<b>81.748.555.014</b>

### 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	58.273.008
- Kinh phí công đoàn	639.169.002	1.024.222.629
- Bảo hiểm xã hội	657.667.924	514.214.744
- Bảo hiểm y tế	91.658.153	223.906.378
- Bảo hiểm thất nghiệp;	72242278	132.015.964
- Phải trả về cổ phần hoá;	1.595.560.000	1.595.560.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	5.340.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	466.666.666	19.485.080
- Phải trả lãi phát hành trái phiếu	252.083.333	-
- Phải trả các đơn vị trong tổ hợp VNECO	143.557.555	11.848.004.097
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	12.242.641.275	11.922.656.031
<b>Cộng</b>	<b>21.501.246.186</b>	<b>27.338.337.931</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>340.000.000</b>
<b>c. Phải trả khác các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	137.956.000
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	11.300.000.000
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	143.557.555	-
<b>Cộng</b>	<b>143.557.555</b>	<b>11.437.956.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>239.318.236.562</b>	<b>239.318.236.562</b>	<b>506.604.312.178</b>	<b>485.875.008.577</b>	<b>218.588.932.961</b>	<b>218.588.932.961</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	124.689.725.739	124.689.725.739	371.948.396.667	370.351.942.005	123.093.271.077	123.093.271.077
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	52.518.960.181	52.518.960.181	71.893.684.748	91.508.383.209	72.133.658.642	72.133.658.642
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	28.792.684.240	28.792.684.240	28.792.684.240	-	-	-
Vay các ngân hàng khác	33.316.866.402	33.316.866.402	33.969.546.523	24.014.683.363	23.362.003.242	23.362.003.242
<b>Vay tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>3.892.230.000</b>	<b>3.892.230.000</b>	<b>3.892.230.000</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.20)</b>	<b>194.103.961.060</b>	<b>193.820.961.060</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.662.958.388</b>	<b>33.662.958.388</b>
<b>Tổng</b>	<b>3.922.197.622</b>	<b>433.639.197.622</b>	<b>507.104.312.178</b>	<b>489.767.238.577</b>	<b>256.144.121.349</b>	<b>256.144.121.349</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>49.919.813.812</b>	<b>49.919.813.812</b>	<b>6.281.015.940</b>	<b>34.782.958.388</b>	<b>78.421.756.260</b>	<b>78.421.756.260</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	3.200.000.000	3.200.000.000	4.320.000.000	7.600.000.000	6.480.000.000	6.480.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	1.666.135.940	1.666.135.940	1.319.015.940	145.480.000	492.600.000	492.600.000
Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng	4.411.677.872	4.411.677.872	-	2.860.000.000	7.271.677.872	7.271.677.872
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh	40.000.000.000	40.000.000.000	-	10.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	-	-	-	14.177.478.388	14.177.478.388	14.177.478.388
Vay ngân hàng khác	642.000.000	642.000.000	642.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (*)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>199.919.813.812</b>	<b>199.919.813.812</b>	<b>6.281.015.940</b>	<b>34.782.958.388</b>	<b>228.421.756.260</b>	<b>228.421.756.260</b>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	193.820.961.060	194.103.961.060	-	-	33.662.958.388	33.662.958.388
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>6.098.852.752</b>	<b>5.815.852.752</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>194.758.797.872</b>	<b>194.758.797.872</b>

(\*) Trái phiếu không chuyển đổi phát hành với thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2014 nhằm tái cấu trúc nguồn vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Mệnh giá trái phiếu phát hành là 150 tỷ, với lãi suất được xác định bằng 3,5%/năm + lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất. Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi suất áp dụng đối với hai kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Trái phiếu có tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 702 Nguyễn Kiệm, phường 04, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, giá trị 24.164 triệu đồng; thửa đất số 839 và 882 phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM, giá trị 34.530 triệu đồng; số 277 Bình Đông, Phường 14, quận 8, TP.HCM, giá trị 112.986 triệu đồng; 90 lô đất tại khu đô thị mới Mỹ Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, giá trị 45.221 triệu đồng. Tổng giá trị đảm bảo tạm tính là 216.901.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	194.103.961.060	33.662.958.388
Trong năm thứ hai	5.213.246.376	192.558.797.872
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	602.606.376	2.200.000.000
Sau năm năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>199.919.813.812</b>	<b>228.421.756.260</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	194.103.961.060	33.662.958.388
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.815.852.752</b>	<b>194.758.797.872</b>

Số dư tại ngày	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>637.210.610.000</b>	<b>2.732.367.267</b>	<b>2.132.747.058</b>	<b>(32.633.932.993)</b>	<b>16.904.923.611</b>	<b>26.248.296</b>	<b>59.799.503.102</b>	<b>49.772.211.779</b>	<b>4.073.608.613</b>	<b>93.065.413.896</b>								
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	494.345.858	-	-	-	88.991.805.283	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	161.264.405	-	(14.566.593.585)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	670.294.846	-	(80.357.342)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>637.210.610.000</b>	<b>2.732.367.267</b>	<b>2.627.092.916</b>	<b>(31.963.638.147)</b>	<b>16.985.830.674</b>	<b>26.248.296</b>	<b>134.063.450.395</b>	<b>46.499.123.147</b>	<b>44.482.702.208</b>	<b>1.020.623.445.093</b>								
Vốn góp tăng trong năm (*)	124.243.270.000	(202.400.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	96.602.205.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.038.188.701	-	-	-	(1.038.188.701)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.781.350.132)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	62.121.170.000	-	-	-	-	-	(62.121.170.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(3.100.144.273)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>823.575.050.000</b>	<b>2.529.967.267</b>	<b>3.665.281.617</b>	<b>(32.266.438.147)</b>	<b>16.985.830.674</b>	<b>26.248.296</b>	<b>161.624.803.178</b>	<b>44.482.702.208</b>	<b>44.482.702.208</b>	<b>1.020.623.445.093</b>								

(\*) Vốn đầu tư chủ sở hữu tăng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 637.210.610.000 đồng lên 823.577.030.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu chia có tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Theo Giấy chứng nhận số 64/GCN-UBCK ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Tổng Công ty, tổng số lượng cổ phiếu Tổng Công ty chào bán và phát hành là 18.636.642 cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị là giá trị chào bán tính theo mệnh giá là 186.366.420.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 124.040.870.000 đồng, trong đó vốn góp theo mệnh giá là 124.243.270.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần là âm (-) 202.400.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu phổ thông	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.780.600	1.750.320
- Cổ phiếu phổ thông	1.780.600	1.750.320
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.576.905	61.970.741
- Cổ phiếu phổ thông	80.576.905	61.970.741
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

## 22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đắk Lắk và Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, doanh thu bộ phận cho từng tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk và Hồ Chí Minh, cũng như doanh thu tương đồng tại các tỉnh trên chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, Tổng Công

ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 04 (bốn) bộ phận hoạt động: Bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng; Bộ phận chuyển nhượng bất động sản, Bộ phận kinh doanh hàng hóa; và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>563.552.410.438</b>	<b>840.974.718.329</b>	<b>10.226.993.708</b>	<b>129.114.870.211</b>	<b>1.543.868.992.686</b>
Tài sản không phân bổ					327.612.152.171
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.871.481.144.857</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	341.970.856.793	194.411.677.872	2.676.445.579	3.517.096.663	542.576.076.907
Nợ phải trả không phân bổ					308.281.622.857
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>850.857.699.764</b>

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh BĐS	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>741.316.480.877</b>	<b>262.871.703.463</b>	<b>22.963.638.854</b>	<b>164.288.463.540</b>	<b>1.191.440.286.734</b>
Tài sản không phân bổ					425.751.668.627
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.617.191.955.361</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	468.585.700.092	47.307.507.831	12.959.176.201	26.298.687.013	555.151.071.137
Nợ phải trả không phân bổ					253.859.799.676
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>809.010.870.813</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh BĐS	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	919.088.434.382	42.107.126.342	32.518.928.232	49.837.359.951	1.043.551.848.907
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>919.088.434.382</b>	<b>42.107.126.342</b>	<b>32.518.928.232</b>	<b>49.837.359.951</b>	<b>1.043.551.848.907</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	750.810.019.637	41.657.014.911	31.849.086.180	51.085.935.831	875.402.056.559
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	168.278.414.745	450.111.431	669.842.052	(1.248.575.880)	168.149.792.348
Chi phí không phân bổ					66.220.449.204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					101.929.343.144
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết					4.276.773.471
Doanh thu từ các khoản đầu tư					35.615.211.593
Lợi nhuận khác					21.558.068.769
Chi phí tài chính					34.427.860.270
Lợi nhuận trước thuế					128.951.536.707
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					29.202.973.018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(381.054.466)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>100.129.618.155</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Hoạt động xây lắp VND	Kinh doanh BDS VND	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	899.565.454.614	40.821.044.647	39.165.320.620	55.266.517.789	1.034.818.337.670
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>899.565.454.614</b>	<b>40.821.044.647</b>	<b>39.165.320.620</b>	<b>55.266.517.789</b>	<b>1.034.818.337.670</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	607.488.612.228	32.568.039.084	25.835.781.824	55.625.957.652	721.518.390.788
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	292.076.842.386	8.253.005.563	13.329.538.796	(359.439.863)	313.299.946.882
Chi phí không phân bổ					86.309.664.217
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					226.990.282.665
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết					6.117.188.294
Doanh thu từ các khoản đầu tư					16.961.342.800
Lợi nhuận khác					(52.313.958.741)
Chi phí tài chính					75.482.710.374
Lợi nhuận trước thuế					122.272.144.644
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					12.529.769.678
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					16.676.961.070
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>93.065.413.896</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.043.584.739.816</b>	<b>1.034.933.001.313</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	32.551.819.141	39.279.984.263
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.313.995.130	55.266.517.789
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.107.126.342	40.821.044.647
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	919.088.434.382	899.565.454.614
- Doanh thu khác	523.364.821	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>32.890.909</b>	<b>114.663.643</b>
- Giảm giá hàng bán	-	114.663.643
- Hàng bán bị trả lại	32.890.909	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.043.551.848.907</b>	<b>1.034.818.337.670</b>

#### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	31.729.549.283	25.835.781.824
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.696.497.472	55.625.957.652
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	41.657.014.911	32.568.039.084
Giá vốn hoạt động xây lắp	750.810.019.637	607.488.612.228
Giá vốn khác	389.438.359	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	119.536.897	
<b>Cộng</b>	<b>875.402.056.559</b>	<b>721.518.390.788</b>

#### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.667.718.245	12.942.994.153
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	2.310.656.433	3.164.230.458
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.548.239	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.506.406	2.014.286
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	21.622.782.270	852.103.903
<b>Cộng</b>	<b>35.615.211.593</b>	<b>16.961.342.800</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	30.494.054.649	54.513.936.385
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	189.900.471	
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.723.496	
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.275
Lỗi chuyển nhượng chứng khoán	6.624.423.746	27.230.813.233
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.188.407.455)	(6.756.698.652)
Chi phí tài chính khác	303.165.363	494.658.133
<b>Cộng</b>	<b>34.427.860.270</b>	<b>75.482.710.374</b>

### 5. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	1.364.659.373	-
Hoàn nhập bảo hành công trình	-	4.203.306.150
Thu nhập từ cho thuê tài sản	766.871.920	933.576.502
Thu từ nhận bồi thường, đền bù	-	168.618.030
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	26.150.488.965	-
Thanh lý tài sản cố định	735.884.251	1.145.535.424
Các khoản thu khác	860.191.570	1.552.195.129
<b>Cộng</b>	<b>29.878.096.079</b>	<b>8.003.231.235</b>

### 6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí công trình không quyết toán	5.533.768.701	52.648.457.644
Các khoản phạt hành chính	1.254.441.114	2.191.062.695
Các khoản chi khác	1.531.817.495	5.477.669.637
<b>Cộng</b>	<b>8.320.027.310</b>	<b>60.317.189.976</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

#### a. Lợi nhuận

Theo hướng dẫn trình bày chi tiêu “Mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Giá trị ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi”. Đây là hướng dẫn mới nhất của Thông tư 200, nên số liệu so sánh năm 2014 được trình bày lại để so sánh năm 2014 và năm 2015 được hợp lý hơn và không mang tính chất Hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2014

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96.602.205.889	88.991.805.283
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	(4.458.705.878)	(1.730.314.502)
- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo riêng của Tổng Công ty	89.174.117.534	34.606.290.030
- Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	5%	5%
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>92.143.500.011</b>	<b>87.261.490.781</b>

(i) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 là số liệu thực tế Tổng Công ty đã trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2014.

#### b. Cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm:

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	61.970.741	61.904.741
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia	6.212.117	6.212.117
Cộng: Số cổ phiếu bình quân phát hành tăng trong năm	1.255.139	-
Trừ: Cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong năm	(49)	(33.000)
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>69.437.948</b>	<b>68.083.858</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong năm 2015, Tổng Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng giá trị là 62.121.170.000 đồng, tương đương với 6.212.117 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được điều chỉnh do ảnh hưởng của yếu tố trên như sau:

	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Trên Báo cáo tài chính 2014	61.871.741	1.438
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng cổ tức năm 2015	6.212.117	(156)
<b>Sau điều chỉnh</b>	<b>68.083.858</b>	<b>1.282</b>

### c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.327	1.282
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

## 8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.313.375.611	129.617.803.418
Chi phí nhân công	79.191.235.188	84.812.132.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.545.957.866	11.439.568.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.487.486.063	560.254.800.808
Chi phí khác bằng tiền	27.976.393.344	21.703.750.466
<b>Cộng</b>	<b>845.514.448.072</b>	<b>807.828.055.005</b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 và V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	439.738.050.374	450.902.919.221
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	241.697.097.103
Nợ thuần	330.226.534.416	209.205.822.118
Vốn chủ sở hữu	1.020.623.445.093	808.181.084.548
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>32,36%</b>	<b>25,89%</b>

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	241.697.097.103
Phải thu khách hàng và phải thu khác	559.615.767.679	376.734.474.882
Đầu tư ngắn hạn	151.077.182.511	19.117.131.353
Đầu tư dài hạn	46.094.002.675	46.480.757.875
Các khoản ký quỹ	8.443.806.993	8.374.020.006
<b>Cộng</b>	<b>874.742.275.816</b>	<b>692.403.481.219</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	439.738.050.374	450.902.919.221
Phải trả người bán và phải trả khác	163.259.615.861	181.705.417.827
Chi phí phải trả	130.435.910.323	81.748.555.014
<b>Cộng</b>	<b>733.433.576.558</b>	<b>714.356.892.062</b>

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

### Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín

dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh VII.2.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	-	109.511.515.958
Phải thu khách hàng và phải thu khác	558.927.597.914	688.169.765	559.615.767.679
Đầu tư ngắn hạn	151.077.182.511		151.077.182.511
Đầu tư dài hạn	-	46.094.002.675	46.094.002.675
Các khoản ký quỹ	8.443.806.993	-	8.443.806.993
<b>Cộng</b>	<b>827.960.103.376</b>	<b>46.782.172.440</b>	<b>874.742.275.816</b>

<b>31/12/2015</b>			
Các khoản vay	433.922.197.622	5.815.852.752	439.738.050.374
Phải trả người bán và phải trả khác	163.259.615.861	-	163.259.615.861
Chi phí phải trả	130.435.910.323	-	130.435.910.323
<b>Cộng</b>	<b>727.617.723.806</b>	<b>5.815.852.752</b>	<b>733.433.576.558</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>100.342.379.570</b>	<b>40.966.319.688</b>	<b>141.308.699.258</b>

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.697.097.103	-	241.697.097.103
Phải thu khách hàng và phải thu khác	376.734.474.882	-	376.734.474.882
Đầu tư ngắn hạn	19.117.131.353	-	19.117.131.353
Đầu tư dài hạn	-	46.480.757.875	46.480.757.875
Các khoản ký quỹ	374.020.006	8.000.000.000	8.374.020.006
<b>Cộng</b>	<b>637.922.723.344</b>	<b>54.480.757.875</b>	<b>692.403.481.219</b>

<b>01/01/2015</b>			-
Các khoản vay	256.144.121.349	194.758.797.872	450.902.919.221
Phải trả người bán và phải trả khác	181.365.417.827	340.000.000	181.705.417.827
Chi phí phải trả	81.748.555.014	-	81.748.555.014
<b>Cộng</b>	<b>519.258.094.190</b>	<b>195.098.797.872</b>	<b>714.356.892.062</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>118.664.629.154</b>	<b>(140.618.039.997)</b>	<b>(21.953.410.843)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
Công ty liên kết Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	Công ty liên kết
Công ty liên kết Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	Công ty liên kết
Công ty liên kết Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
Công ty liên kết Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty liên kết Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	Công ty liên kết

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	89.494.729.230	27.962.545.416
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	55.261.940.367	9.196.918.458
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	61.766.893.173	24.403.684.641
<b>Cộng</b>	<b>206.523.562.770</b>	<b>61.563.148.515</b>

#### Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	21.883.502.829
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
<b>Cộng</b>	<b>4.886.264.225</b>	<b>23.114.129.110</b>

#### Các khoản phải trả

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	11.300.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.301.283.641	11.584.055.762
<b>Cộng</b>	<b>63.802.383.494</b>	<b>41.263.841.294</b>

#### Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương	2.728.923.000	2.187.337.600
Thù lao Hội đồng quản trị	479.750.000	396.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.208.673.000</b>	<b>2.583.337.600</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Chi tiết như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC	Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch		
<b>TÀI SẢN</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>1/1/2015</b>		
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	13.121.612.992	1. Đầu tư ngắn hạn	24.901.963.103	(11.780.350.111)
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.784.831.750)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(5.784.831.750)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.780.350.111			11.780.350.111
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
3. Phải thu ngắn hạn khác	309.819.687.614	3. Các khoản phải thu khác	276.205.294.418	33.614.393.196
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	120.820.000			120.820.000
V. Tài sản ngắn hạn khác		V. Tài sản ngắn hạn khác		
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	2. Tài sản ngắn hạn khác	33.735.213.196	(33.735.213.196)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>				
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.640.553.141	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.640.553.141	
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>Chênh lệch</b>	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	256.144.121.349	1. Vay và nợ ngắn hạn	222.481.162.961	33.662.958.388
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>II. Nợ dài hạn</b>		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	194.758.797.872	1. Vay và nợ dài hạn	228.421.756.260	(33.662.958.388)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>B. NGUỒN VỐN</b>		-
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	637.210.610.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	637.210.610.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	637.210.610.000			-
- Cổ phiếu ưu đãi				
5. Quỹ đầu tư phát triển	16.985.830.674	5. Quỹ đầu tư phát triển	6.089.067.818	10.896.762.856
		6. Quỹ dự phòng tài chính	10.896.762.856	(10.896.762.856)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	46.499.123.147	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	46.499.123.147	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC	Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch		
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2014</b>	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.933.001.313	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.035.008.396.911	(75.395.598)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	114.663.643	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	190.059.241	(75.395.598)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.818.337.670	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.818.337.670	-

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN QUANG CÀN

PHẦN ANH QUANG

ĐOÀN ĐỨC HỒNG



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 344 đường Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận,  
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 84 (0)511 356 2361 ; Fax: 84 (0)511 356 2367

Website: [www.vneco.com.vn](http://www.vneco.com.vn)